

PHỤ LỤC 01

Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về các Nghị quyết, Quyết định quy phạm pháp luật triển khai thi hành Luật thủ đô số 02/2026/QH16; Nghị quyết quy phạm pháp luật, Quyết định quy phạm pháp luật triển khai thi hành Luật thủ đô số 39/2024/QH15 tiếp tục có hiệu lực của Sở Tài chính được giao chủ trì.

(Kèm theo Văn bản số /STC-CSPT ngày / /2026 của Sở Tài chính Hà Nội)

I. NGHỊ QUYẾT SỐ 12/2026/NQ-HĐND NGÀY 02/6/2026 CỦA HĐND THÀNH PHỐ.

1. Tên nghị quyết: Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND của HĐND Thành phố quy định về việc điều chỉnh thủ tục hành chính lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn để xây dựng Nghị quyết:

2.1 Cơ sở pháp lý:

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; đổi mới quản trị theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần bảo đảm mục tiêu tăng trưởng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước với những yêu cầu cơ bản như sau:

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đề ra nhiệm vụ: *“Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”*.

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật định hướng *“Đổi mới mạnh mẽ tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển. Công tác xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, nâng cao năng lực phản ứng chính sách và giải quyết hiệu quả, kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể; bảo đảm cơ sở pháp lý và các điều kiện để đẩy mạnh thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền; cải cách triệt để thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ; dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”, không đẩy khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong ban hành và tổ chức thi hành pháp luật.”*

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 đặt ra mục tiêu trong năm 2026: *“Cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với năm 2024”*, với nhiệm vụ, giải pháp: *“Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên ứng*

dụng công nghệ, tái sử dụng dữ liệu... Thời hạn hoàn thành: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án thuộc thẩm quyền hoặc chủ động thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trường hợp vượt thẩm quyền, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án năm 2025 trước ngày 30 tháng 6 năm 2025 và phương án năm 2026 trước ngày 30 tháng 6 năm 2026.”

- Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân, Bộ Chính trị yêu cầu: “*Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách... Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp. Minh bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính, nhất là về gia nhập, rút lui khỏi thị trường... Chuyển từ nền hành chính công vụ, quản lý là chủ yếu sang phục vụ và kiến tạo phát triển, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; hiện đại hoá quản trị công, quản trị dựa trên dữ liệu. Thực hiện chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.*”

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII (nhiệm kỳ 2025-2030) xác định 3 đột phá phát triển và đề ra nhiệm vụ, giải pháp trong đó xác định “*Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách đặc thù phát triển Thủ đô*” là giải pháp quan trọng.

- Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/03/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới, đã đưa ra quan điểm, mục tiêu: “*Xác lập thể chế đặc thù, vượt trội*”, với nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu trong đó có: “*Xây dựng thể chế đột phá phát triển Thủ đô: ..cho phép Thành phố được ban hành văn bản để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội khác hoặc chưa có quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền... Thủ đô chủ động xây dựng cơ chế thí điểm, thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), các cơ chế, chính sách mới hoặc khác với quy định của pháp luật, từ đó tổng kết, đề xuất nhân rộng trên phạm vi cả nước... Xác lập mô hình quản trị Thủ đô thông minh, hiện đại, dựa trên dữ liệu và theo thời gian thực, với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo; chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy kiến tạo phát triển, từ phân tán sang tích hợp, đồng bộ, từ ngắn hạn sang dài hạn, bền vững.*” và “*Huy động, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực:... Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, bình đẳng. Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân.*”

- Căn cứ quy định về trình tự, thủ tục thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp được quy định tại các văn bản:

+ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15;

+ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

+ Thông tư 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.

- Căn cứ Điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: “c) *Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp*”.

- Ngày 23/4/2026, Quốc hội đã họp thông qua, ban hành Luật Thủ đô, tại khoản 2 Điều 8 quy định về việc Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “2. *Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được ban hành văn bản quy phạm pháp luật để: a) Điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức thuộc Thành phố, bảo đảm yêu cầu về cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, không quy định thêm thành phần hồ sơ, không tăng thêm yêu cầu, điều kiện, thời gian giải quyết thủ tục đang áp dụng;*”

Tại khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 11/5/2026 quy định một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành Luật Thủ đô, trong đó có quy định:

“2. *Văn bản điều chỉnh thủ tục hành chính là văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức thuộc Thành phố theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 của Luật Thủ đô.*”

“Điều 5. *Thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật*

Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật, việc thực hiện thẩm quyền ban hành văn bản điều chỉnh thủ tục hành chính và văn bản quy định biện pháp đặc thù của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được xác định như sau:

1. *Thẩm quyền ban hành văn bản điều chỉnh thủ tục hành chính:*

a) *Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành văn bản điều chỉnh thủ tục hành chính đang được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức thuộc Thành phố.*

Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định việc giải quyết thủ tục hành chính phải được sự chấp thuận hoặc thông qua của Hội đồng nhân dân Thành phố thì việc ban hành văn bản điều chỉnh thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố;”

Theo đó, việc ban hành Nghị Quyết của HĐND Thành phố về việc điều chỉnh thủ tục hành chính lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đã được quy định cụ thể tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022, 2025) và Nghị định 168/2025/NĐ-CP là đúng thẩm quyền và cần thiết, phù hợp với thực tiễn, cụ thể hóa các cơ chế chính sách đặc thù của Luật Thủ đô, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất trong hệ thống pháp luật, đồng thời tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để triển khai việc đơn giản hóa TTHC, góp phần rút ngắn thời gian gia nhập thị trường cho doanh nghiệp.

2.2 Cơ sở thực tiễn:

Qua rà soát, đánh giá quá trình thực hiện Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành cho thấy đã có một số vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn giải quyết TTHC lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp cần có những cải cách thể chế trong việc quy định về thành phần hồ sơ hành chính, cụ thể như sau: Quy định của Luật Doanh nghiệp về thành phần hồ sơ TTHC lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp đã tạo rào cản cho việc đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ nhằm đơn giản hóa TTHC. Một số thành phần hồ sơ vẫn dựa trên các giấy tờ pháp lý truyền thống như Điều lệ doanh nghiệp, biên bản họp... mà chưa có giá trị thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước do sự thay đổi của các tài liệu này không phụ thuộc vào sự quyết định/thông qua của cơ quan quản lý nhà nước (ví dụ như Điều lệ doanh nghiệp). Hà Nội là thành phố có số lượng doanh nghiệp thành lập mới và thay đổi nội dung đăng ký lớn thứ hai cả nước, việc áp dụng quy định như hiện nay gây quá tải cho cơ quan ĐKKD về nhân sự, thời gian để kiểm tra đối chiếu tính hợp lệ của hồ sơ, trong đó bao gồm nội dung kê khai đầy đủ, chính xác, thống nhất trong các tài liệu trong hồ sơ.

Bên cạnh đó, phía cơ quan đăng ký kinh doanh có tình trạng quá tải khi phải ký trả quá nhiều loại giấy tờ kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong khi công nghệ ký số hiện nay mất quá nhiều thời gian do phải thực hiện nhiều thao tác. Thực tế, khi giải quyết thủ tục hành chính Cơ quan đăng ký kinh doanh đã thực hiện cập nhật thông tin đăng ký của doanh nghiệp, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; thông tin cơ quan quản lý thuế được cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế - Bộ Tài chính nhưng cơ quan đăng ký kinh doanh vẫn phải ký trả các loại kết quả như Thông báo cơ quan quản lý thuế trực tiếp, Giấy xác nhận tạm ngừng hoạt động/hoạt động trở lại; Thông báo về việc dừng thực hiện thủ tục, Thông báo về việc doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể.

Trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, việc cắt giảm thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC mang ý nghĩa quyết định trong việc đơn giản hóa TTHC giúp: (1) Giảm rào cản gia nhập thị trường để doanh nghiệp nhanh chóng có tư cách pháp nhân, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình; khuyến khích, thúc đẩy hộ kinh doanh chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp để hưởng các chính sách ưu đãi. (2) Đẩy mạnh việc thực hiện chính quyền điện tử trên cơ sở khai thác dữ liệu số, giúp giảm bớt thời gian giải quyết hồ sơ cho phía cơ quan đăng ký kinh doanh, là cơ sở để rút ngắn thời gian giải quyết các TTHC thông qua hồ sơ điện tử; (3) Giúp tăng tỷ lệ hồ sơ hành chính hợp lệ ngay từ lần nộp đầu tiên, giảm thiểu tình trạng hồ sơ bị trả lại nhiều lần do lỗi kê khai nội dung hồ sơ; (4) Thay đổi tư duy quản lý trên cơ sở nguyên tắc doanh nghiệp tự kê khai, tự chịu trách nhiệm, tự lưu giữ hồ sơ, chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, thay đổi hoàn toàn tư duy quản lý hành chính cũ sang tư duy phục vụ người dân, doanh nghiệp, giảm áp lực hành chính cho cả nhà nước và doanh nghiệp; (5) Giảm thời gian giải quyết hành chính của cơ quan đăng ký kinh doanh; (6) Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Thủ đô, cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) thông qua việc nâng cao Chỉ số “Gia nhập thị trường”, thu hút vốn đầu tư nước ngoài thông qua sự minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo động lực quan trọng đưa GRDP của Hà Nội đạt mức tăng trưởng hai con số trong giai đoạn tới.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

3.1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố nhằm điều chỉnh trình tự, thủ tục hành chính để tạo thuận lợi hơn cho cá nhân, tổ chức theo hướng đơn giản hoá thủ tục hành chính trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Thủ đô, trọng tâm là cắt giảm thành phần hồ sơ hành chính, kết quả, thời gian giải quyết TTHC góp phần đạt mục tiêu:

- Cải thiện môi trường đầu tư: Tạo bước đột phá trong thủ tục gia nhập thị trường, giảm tối đa thời gian và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp thông qua việc rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp còn 02 ngày làm việc; nâng cao chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) của Thành phố. Giảm thời gian giải quyết hồ sơ giải thể doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh còn 04 ngày làm việc để rút ngắn thời gian rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp. Thông qua đơn giản hóa, cắt giảm thành phần hồ sơ, cắt giảm kết quả và rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, Nghị quyết sẽ giảm chi phí tuân thủ, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp và thu hút đầu tư. Từ đó, tạo động lực mạnh mẽ nâng cao năng lực cạnh tranh của Thủ đô, tăng số lượng doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, góp phần đưa tốc độ tăng trưởng GRDP của Hà Nội đạt mức hai con số trong giai đoạn tới.

- Thúc đẩy chuyển đổi số: Chuyển đổi phương thức nhận kết quả giải quyết TTHC bằng văn bản điện tử/giấy sang phương thức cập nhật thông tin, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp và của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và trên Cổng thông tin điện tử của Cục thuế - Bộ Tài chính; xây dựng chính quyền số phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Khơi thông nguồn lực: Giảm bớt "rào cản giấy tờ" để khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, đặc biệt là hỗ trợ các hộ kinh doanh chuyển đổi lên mô hình doanh nghiệp thuận lợi hơn.

3.2. Ý nghĩa của Nghị quyết:

Việc cắt giảm thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết và thời gian thực hiện các thủ tục hành chính là rất cần thiết. Qua rà soát thực tiễn cho thấy một số thành phần hồ sơ (như Điều lệ công ty, biên bản họp, báo cáo tài chính, danh sách chủ nợ...) có tính trùng lặp cao, thông tin đã được kê khai đầy đủ trong các mẫu tờ khai chính hoặc đã được số hóa, lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Mặt khác, loại tài liệu như biên bản họp, báo cáo tài chính yêu cầu phải nộp đối với Công ty TNHH 2 thành viên trở lên khi thực hiện thủ tục thay đổi vốn của Công ty trong khi Công ty cổ phần và các loại hình DN khác không phải nộp tạo sự không bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp khi thực hiện cùng 1 loại TTHC tại cơ quan nhà nước. Việc phải nộp các tài liệu này gây tốn kém thời gian, chi phí cho doanh nghiệp và tạo áp lực xử lý hồ sơ cho cơ quan đăng ký kinh doanh, trong khi không mang lại giá trị thiết thực cho công tác quản lý nhà nước.

- Việc cắt giảm các loại kết quả (các mẫu thông báo, giấy xác nhận) cũng cần thiết vì thông tin tương ứng đã được cập nhật thời gian thực, công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế, cho phép doanh nghiệp và các bên liên quan tự tra cứu thuận tiện.

3.3 Tác động của Nghị quyết:

Đối với doanh nghiệp:

+ Giảm thời gian nộp hồ sơ: Đối với việc cắt giảm thành phần hồ sơ nộp cho cơ quan đăng ký kinh doanh không làm thay đổi trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc lập, thông qua, lưu giữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, do đó doanh nghiệp vẫn tiêu hao chi phí cho công đoạn soạn thảo, in ấn, lưu trữ. Việc cắt giảm nhằm giúp doanh nghiệp không phải đính kèm một số tài liệu khi nộp hồ sơ giúp giảm thời gian khi nộp hồ sơ.

+ Giảm thời gian chờ nhận kết quả (TTHC thành lập doanh nghiệp giảm từ 03 ngày xuống 02 ngày làm việc; TTHC giải thể giảm từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc), giảm chi phí cơ hội do rút ngắn thời gian gia nhập và rút lui khỏi thị trường.

Đối với cơ quan nhà nước:

+ Cơ quan đăng ký kinh doanh: giảm thời gian khi giải quyết hồ sơ hành chính của người dân, doanh nghiệp, tăng năng suất làm việc của cán bộ, giảm chi phí quản lý nhà nước: do không phải đối chiếu nhiều loại tài liệu, trong khi đối với tài liệu nộp còn lại đã đầy đủ thông tin.

+ Bộ Tài chính – đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: giảm chi phí nguồn lực cho việc lưu trữ hồ sơ điện tử;

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

Nghị quyết ban hành nhằm quy định rõ về việc điều chỉnh thành phần hồ sơ, kết quả, thời gian thực hiện các thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội, cụ thể:

- Việc cắt giảm thành phần hồ sơ được thực hiện với 04 loại tài liệu của 10 thủ tục hành chính, cụ thể:

- Điều lệ công ty;
- Bản sao biên bản họp về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp đối với thủ tục thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước;
- Bản sao hoặc bản chính Biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc thay đổi vốn điều lệ;
- Báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ trong trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên giảm vốn điều lệ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 68 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15.

Doanh nghiệp có nghĩa vụ lập, thông qua, lưu giữ và chịu trách nhiệm pháp lý đối với các tài liệu không phải nộp đến cơ quan đăng ký kinh doanh được quy định tại khoản 1 Điều này.

Hồ sơ hợp lệ đối với mỗi thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp sau khi được giảm các thành phần tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này phải có đầy đủ thành phần khác và bảo đảm nội dung kê khai theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.

- Việc cắt giảm loại biểu mẫu kết quả được thực hiện đối với 07 loại của 10 thủ tục hành chính, cụ thể:

Điều chỉnh cắt giảm kết quả giải quyết là các biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương, gồm:

1. Mẫu Thông báo về cơ quan thuế quản lý trực tiếp.
2. Mẫu Thông báo về việc dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (chỉ thực hiện đối với hồ sơ nộp qua mạng).
3. Mẫu Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp thông báo tạm ngừng kinh doanh.
4. Mẫu Giấy xác nhận về việc chi nhánh/địa điểm kinh doanh thông báo tạm ngừng kinh doanh/Về việc văn phòng đại diện thông báo tạm ngừng hoạt động.

5. Mẫu Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

6. Mẫu Giấy xác nhận chi nhánh/địa điểm kinh doanh thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo/Về việc văn phòng đại diện thông báo tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo.

7. Mẫu Thông báo về việc doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể.

- Giảm thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sau khi cắt giảm thành phần hồ sơ, biểu mẫu kết quả đối với 9 thủ tục hành chính, cụ thể:

+ Thời gian giải quyết đối với 07 thủ tục hành chính, bao gồm: hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty, tách công ty, hợp nhất công ty; đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh rút xuống còn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, giảm 33% thời gian giải quyết so với quy định 03 ngày làm việc tại Luật Doanh nghiệp.

+ Thời gian giải quyết đối với 02 thủ tục hành chính, bao gồm: hồ sơ giải thể doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh rút xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, giảm 20% thời gian giải quyết so với quy định 05 ngày làm việc tại Nghị định 168/2025/NĐ-CP.

5. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với luật hiện hành:

- Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND của HĐND thành phố Hà Nội là văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trên cơ sở cơ chế đặc thù, vượt trội theo điểm a khoản 2 Điều 8 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 – quy định cho phép chính quyền Thành phố được tự điều chỉnh trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ, kết quả và thời gian giải quyết TTHC đang quy định tại văn bản của cơ quan nhà nước trung ương, mà không cần chờ Quốc hội hay Chính phủ sửa luật, sửa nghị định. Đây chính là điểm khác biệt căn bản so với pháp luật hiện hành: trong khi Luật Doanh nghiệp và Nghị định 168/2025/NĐ-CP áp dụng thống nhất trên cả nước với thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết cố định, thì Hà Nội – với tư cách Thủ đô – được trao quyền điều chỉnh thủ tục hành chính phù hợp với đặc thù quy mô doanh nghiệp đứng thứ hai cả nước về số doanh nghiệp thành lập mới, miễn là theo hướng đơn giản hóa, không được đặt thêm điều kiện, hồ sơ hay kéo dài thời gian.

- Về nội dung cụ thể, Nghị quyết vượt trội hơn hẳn khung pháp luật chung ở ba điểm:

+ **Cắt giảm thành phần hồ sơ** mang tính hình thức, trùng lặp với dữ liệu đã số hóa (Điều lệ công ty, biên bản họp thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện, biên bản họp về thay đổi vốn điều lệ, báo cáo tài chính gần nhất...) – áp dụng cho 10 thủ tục hành chính, chuyển hoàn toàn trách nhiệm lưu giữ, chịu trách nhiệm pháp lý về tài liệu này cho doanh nghiệp tự kê khai, tự chịu trách nhiệm.

+ **Cắt giảm 7 loại biểu mẫu kết quả giải quyết** (thông báo cơ quan thuế quản lý, giấy xác nhận tạm ngừng/tiếp tục kinh doanh, thông báo giải thể...) do các thông tin này đã được cập nhật thời gian thực, công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế – tận dụng tối đa hạ tầng dữ liệu sẵn có thay vì buộc cơ quan đăng ký kinh doanh phải ký, phát hành văn bản giấy/điện tử riêng lẻ.

+ **Rút ngắn thời gian giải quyết:** nhóm thủ tục thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày (giảm 33%); nhóm thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động chi nhánh từ 05 ngày xuống còn 04 ngày (giảm 20%) so với quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định 168/2025/NĐ-CP.

- Về tư duy quản lý, Nghị quyết thể hiện bước chuyển đổi mô hình từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm", từ "quản lý dựa trên hồ sơ giấy" sang "quản lý dựa trên dữ liệu số" – phù hợp định hướng tại Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 68-NQ/TW và Nghị quyết 02-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng thể chế đột phá cho Thủ đô. Đồng thời, Nghị quyết vẫn bảo đảm nguyên tắc không làm giảm hiệu lực quản lý nhà nước: doanh nghiệp vẫn có nghĩa vụ lập, lưu giữ, xuất trình tài liệu khi bị thanh tra, kiểm tra hậu kiểm; cơ quan đăng ký kinh doanh vẫn phải cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin trên hệ thống dù không còn phải phát hành văn bản giấy.

Có thể nói, tính "đặc thù, vượt trội" của Nghị quyết 12 nằm ở việc nó là sản phẩm cụ thể hóa đầu tiên của cơ chế lập pháp phân quyền mạnh mẽ mà Luật Thủ đô 2026 trao cho Hà Nội – cho phép Thành phố "đi trước, làm trước" trong cải cách thủ tục hành chính lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp so với mặt bằng chung của cả nước, trực tiếp góp phần cải thiện chỉ số PCI, PAR INDEX và mục tiêu tăng trưởng GRDP hai con số của Thủ đô./.

II. NGHỊ QUYẾT SỐ 41/2026/NQ-HĐND NGÀY 15/6/2026 CỦA HĐND THÀNH PHỐ.

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố Quy định nội dung chi từ nguồn thực hiện chính sách tiền lương, nguồn tăng thu ngân sách, nguồn thưởng vượt thu và bổ sung có mục tiêu từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố; việc thưởng vượt thu cho ngân sách cấp xã (*Thực hiện quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 21 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 và tại điểm d khoản 3 Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15*)

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

2.1. Căn cứ pháp lý

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định nhiệm vụ tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh và xây dựng hệ thống đô thị hiện đại, bền vững.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII (nhiệm kỳ 2025-2030) xác định 3 đột phá phát triển; và đề ra nhiệm vụ, giải pháp trong đó xác định *“Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách đặc thù phát triển Thủ đô”* là giải pháp quan trọng và đề ra 03 đột phá phát triển, trong đó có nội dung *“Tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển Thủ đô: Hoàn thành việc cụ thể hóa Luật Thủ đô; xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, khắc phục hạn chế và khơi thông, huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển. Tiên phong thí điểm các cơ chế, chính sách mới, trọng tâm là: Phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân; giáo dục và đào tạo; y tế; công nghiệp văn hóa... Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm””*.

Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới đã đặt ra nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm: *“Ưu tiên bố trí nguồn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực khác cho phát triển Thủ đô, bảo đảm nguyên tắc hạch toán tổng thể, sử dụng có hiệu quả. Hà Nội quyết định cơ chế, chính sách về: Đất đai, đầu tư công, đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư, các hình thức huy động nguồn lực xã hội, hợp tác công tư, tài nguyên, tài sản công... để khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực...”*.

Tại điểm a, b khoản 5 Điều 21 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 quy định HĐND Thành phố có thẩm quyền:

“a) Quy định nội dung chi từ nguồn thực hiện chính sách tiền lương của Thành phố;

b) Quy định nội dung chi từ nguồn tăng thu ngân sách Thành phố, nguồn thường vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố và nguồn bổ sung có mục tiêu từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, ngoài các nội dung đã được quy định theo pháp luật về ngân sách nhà nước”.

Tại điểm d khoản 3 Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định về thường vượt dự toán thu: *“d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định việc thường vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã”*.

Do vậy, việc ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định nội dung chi từ nguồn thực hiện chính sách tiền lương, nguồn tăng thu ngân sách, nguồn thường vượt thu và bổ sung có mục tiêu từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố; việc thường vượt thu cho ngân sách cấp xã là phù hợp với các chủ trương của Đảng và đúng thẩm quyền được giao tại Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 và Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất trong hệ thống pháp luật.

2.2. Cơ sở thực tiễn

a) Về quy định nội dung chi từ nguồn thực hiện chính sách tiền lương của Thành phố

Trong các năm qua, ngân sách các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện trích lập, tạo nguồn cải cách tiền lương từ nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên và các nguồn hợp pháp khác được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Vì vậy, nguồn cải cách tiền lương của Thành phố luôn đảm bảo đầy đủ và kịp thời các chính sách, chế độ cải cách tiền lương của Trung ương khi điều chỉnh mức lương cơ sở, các chính sách an sinh xã hội và các chế độ, chính sách do Thành phố ban hành.

Công tác quản lý, sử dụng nguồn cải cách tiền lương được thực hiện chặt chẽ, đúng mục đích; đồng thời có tích lũy nguồn qua các năm, góp phần chủ động cân đối nguồn lực khi Trung ương điều chỉnh chính sách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội có liên quan. Bên cạnh đó, Thành phố đã chủ động triển khai các giải pháp cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước; tăng cường tiết kiệm chi thường xuyên; đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, qua đó góp phần giảm áp lực chi ngân sách và tạo nguồn cải cách tiền lương.

Trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng nguồn thực hiện chính sách tiền lương của Thành phố còn phát sinh một số tồn tại, bất cập sau:

- Thời gian vừa qua, ngoài các chính sách của Trung ương, Thành phố đã ban hành nhiều chính sách an sinh xã hội với nhu cầu kinh phí lớn gây khó khăn trong việc cân đối chi thường xuyên. Đồng thời, nhu cầu vốn đầu tư phát hiện nay và trong thời gian tới là rất lớn để thực hiện Quy hoạch tổng thể Thủ đô với tầm nhìn 100 năm, đặc biệt là đầu tư hạ tầng đường sắt đô thị, các tuyến đường vành đai, các cầu bắc qua sông Hồng và tập trung giải quyết triệt để 5 điểm nghẽn của Thành phố (trật tự đô thị, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường, úng ngập và vệ sinh an toàn thực phẩm) đảm bảo đồng bộ, thống nhất xuyên suốt với việc hoàn thiện thể chế và quy hoạch của Thủ đô. Trong khi đó, nguồn cải cách tiền lương của Thành phố tương đối lớn, đảm bảo đủ lộ trình điều chỉnh tiền lương của Chính

phủ cũng như các chính sách an sinh xã hội do Trung ương và Thành phố ban hành nhưng chưa có cơ chế để cho phép sử dụng cho các nhiệm vụ khác nên chưa phát huy hết hiệu quả của nguồn lực.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục đã và đang thực hiện cung ứng dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước theo giá tính đủ chi phí; từ đó nâng mức tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập, tự chủ và tự chịu trách nhiệm về nguồn lực tài chính của đơn vị. Tuy nhiên, việc đảm bảo thực hiện cải cách tiền lương của các đơn vị sự nghiệp công lập khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước hiện nay chưa được quy định cụ thể và phù hợp với lộ trình xây dựng giá dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Về quy định nội dung chi từ nguồn tăng thu ngân sách các cấp của Thành phố, nguồn thường vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố và nguồn bổ sung có mục tiêu từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương

Với việc thực hiện quyết liệt các giải pháp quản lý, khai thác thu ngân sách, trong các năm vừa qua, ngân sách Thành phố có tăng thu và được ngân sách trung ương thường và bổ sung có mục tiêu để đầu tư trở lại cho ngân sách Thành phố theo cơ chế đặc thù của Luật Thủ đô năm 2024, Nghị định 63/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội và được Thành phố sử dụng cho các nhiệm vụ chi quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Tại khoản 2 Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định các nội dung chi từ nguồn tăng thu ngân sách so với dự toán như sau: “*Kết thúc năm ngân sách, số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách được sử dụng cho các nội dung sau đây:*

a) Giảm bội chi, tăng chi trả nợ, bao gồm trả nợ gốc và lãi;

b) Bổ sung tăng dự phòng ngân sách trong phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này và tăng quỹ dự trữ tài chính trong phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này;

c) Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương;

d) Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng;

đ) Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội;

e) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này¹. ”

¹ - Tại khoản 3 Điều 61 quy định cơ chế thường cho ngân sách cấp dưới.

- Tại điểm c khoản 3 Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định các nội dung chi từ nguồn thường vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương như sau: *“Căn cứ vào mức thường do Chính phủ quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng số được thường vượt thu để đầu tư xây dựng các chương trình, dự án kết cấu hạ tầng, thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, thường cho ngân sách cấp xã”*.

Với quy định nêu trên thì phạm vi các nội dung chi từ nguồn tăng thu ngân sách so với dự toán và từ nguồn thường vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đang bị giới hạn trong các nhiệm vụ nêu trên và chưa có quy định cụ thể về chương trình, dự án, nhiệm vụ *“quan trọng”*. Khi thực hiện theo Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, trường hợp phát sinh các nhiệm vụ chi đột xuất khác trong năm (ngoài các nhiệm vụ chi nêu trên) mà chưa được bố trí trong dự toán hoặc đã bố trí dự toán nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu như các cơ chế, chính sách chi ngân sách được HĐND Thành phố thông qua trong năm (ngoài chính sách an sinh xã hội), nhiệm vụ mua sắm, cải tạo, sửa chữa, bổ sung vốn cho các chương trình, dự án đầu tư công, hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới, hỗ trợ các cơ quan trung ương, các địa phương khác trong nước hoặc hỗ trợ quốc gia khác,... thì không thể sử dụng nguồn tăng thu ngân sách so với dự toán hoặc nguồn thường vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương để đáp ứng nhu cầu.

Đồng thời, tại điểm b khoản 6 Điều 21 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 quy định: *“Nguồn tài chính của Quỹ thưởng được trích từ nguồn tăng thu thuế, phí thực hiện hằng năm so với dự toán của ngân sách Thành phố và các nguồn tài chính hợp pháp khác do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định”*.

Cùng với đó, Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 chưa quy định về nội dung chi từ nguồn thường vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố và nguồn bổ sung có mục tiêu từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương theo cơ chế đặc thù tại khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 và tại điểm b khoản 5 Điều 21 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 đã quy định HĐND Thành phố có thẩm quyền quy định nội dung chi từ các nguồn này.

Bước vào kỷ nguyên mới, Thành phố cần nguồn lực lớn và tập trung để hiện thực hoá mục tiêu tăng trưởng 2 con số gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới và các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 15-NQ/TW

- Tại khoản 4 Điều 61 quy định: *“Trường hợp phân bổ cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn từ nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thực hiện theo quy định của Chính phủ”*.

ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về “Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; triển khai nhanh chóng, khẩn trương các cơ chế, chính sách đặc thù của Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, thực hiện Quy hoạch tổng thể Thủ đô với tầm nhìn 100 năm và tập trung giải quyết triệt để 5 điểm nghẽn của Thành phố (trật tự đô thị, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường, úng ngập và vệ sinh an toàn thực phẩm) đảm bảo đồng bộ, thống nhất xuyên suốt với việc hoàn thiện thể chế và quy hoạch của Thủ đô. Trong tổng thể chiến lược phát triển Thủ đô, đây là những vấn đề căn cốt, luận cứ quan trọng, cấp thiết và là nền tảng vững chắc kiến tạo nên diện mạo Thủ đô “Văn hiến - Bản sắc - Sáng tạo”, kết nối toàn cầu.

Từ thực tiễn tại a, b nêu trên, để đảm bảo sự chủ động, linh hoạt trong điều hành ngân sách, tối ưu hóa việc phân bổ, sử dụng nguồn lực hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn của Thủ đô, không bị trói buộc hoàn toàn bởi quy định của pháp luật hiện hành và cụ thể hóa quy định của Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 thì việc UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi từ nguồn thực hiện chính sách tiền lương của Thành phố; nguồn tăng thu ngân sách các cấp của Thành phố, nguồn thưởng vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố và nguồn bổ sung có mục tiêu từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, ngoài các nội dung đã được quy định theo pháp luật về ngân sách nhà nước (thực hiện quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 21 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16) là cần thiết, tránh tạo khoảng trống pháp lý và tăng cường nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới.

c) Về quy định việc thưởng vượt thu so với dự toán cho ngân sách cấp xã từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp xã

Tại điểm d khoản 3 Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định về thưởng vượt dự toán thu: “*d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định việc thưởng vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã*”.

Trong các năm vừa qua, quy định việc thưởng vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp xã được UBND Thành phố trình HĐND Thành phố lồng ghép trong Nghị quyết về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp Thành phố hằng năm và chưa có 01 quy định chung.

Do vậy, việc UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật để quy định việc thưởng vượt thu so với dự toán cho ngân sách cấp xã từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp xã và nội dung chi từ nguồn này của cấp xã là cần thiết, đảm bảo tính đồng bộ,

thống nhất, thuận tiện trong việc triển khai thực hiện, tránh việc phải ban hành quy định hằng năm.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết:

- Cụ thể hóa quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 21 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 và quy định tại điểm d khoản 3 Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất trong hệ thống pháp luật.

- Tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị có cơ sở triển khai việc quản lý, điều hành ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội được đồng bộ, thống nhất.

- Tạo sự chủ động, linh hoạt trong phân bổ, sử dụng hiệu quả nguồn lực ngân sách nhà nước, phù hợp với yêu cầu thực tiễn triển khai các nhiệm vụ của Thủ đô trong từng thời điểm khác nhau.

- Đa dạng, tối ưu hóa các nguồn lực đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh phí triển khai các nhiệm vụ của Thành phố.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

4.1. Bố cục của Nghị quyết: Gồm 09 Điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.
- Điều 2. Đối tượng áp dụng.
- Điều 3. Nội dung chi từ nguồn thực hiện chính sách tiền lương của cấp Thành phố và cấp xã.
- Điều 4. Nội dung chi từ nguồn tăng thu ngân sách cấp Thành phố, ngoài các nội dung đã được quy định theo pháp luật về ngân sách nhà nước.
- Điều 5. Nội dung chi từ nguồn tăng thu ngân sách cấp xã, ngoài các nội dung đã được quy định theo pháp luật về ngân sách nhà nước.
- Điều 6. Nội dung chi từ nguồn thưởng vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố và nguồn bổ sung có mục tiêu từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Luật Thủ đô, ngoài các nội dung đã được quy định theo pháp luật về ngân sách nhà nước.
- Điều 7. Thưởng vượt thu so với dự toán cho ngân sách cấp xã từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp xã.
- Điều 8. Tổ chức thực hiện.
- Điều 9. Hiệu lực thi hành.

4.2. Nội dung chính của Nghị quyết:

Điều 3. Nội dung chi từ nguồn thực hiện chính sách tiền lương của cấp Thành phố và cấp xã

1. Đảm bảo thực hiện các chính sách về tiền lương, tiền thưởng do Trung ương ban hành.
2. Thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Trung ương.
3. Thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội của Trung ương và thành phố Hà Nội ban hành.
4. Thực hiện chính sách tiền lương đối với các đối tượng là lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập được phân loại phương án tự chủ tài chính nhóm 4 và hợp đồng chuyên môn được cấp có thẩm quyền giao chỉ tiêu.
5. Chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức do thành phố Hà Nội quản lý.
6. Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương khi cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo hình thức đấu thầu, đặt hàng.
7. Nguồn thực hiện chính sách tiền lương của cấp Thành phố sau khi đảm bảo kinh phí thực hiện các nội dung tại khoản 1, khoản 5 và khoản 6 Điều này theo lộ trình của chính sách tiền lương do Trung ương ban hành và đảm bảo kinh phí thực hiện các nội dung tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, được sử dụng để chi đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

Điều 4. Nội dung chi từ nguồn tăng thu ngân sách cấp Thành phố, ngoài các nội dung đã được quy định theo pháp luật về ngân sách nhà nước

1. Bổ sung nguồn tài chính cho Quỹ thưởng theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 21 Luật Thủ đô với mức trích tối đa 2% nguồn tăng thu thuế, phí thực hiện hằng năm so với dự toán của ngân sách cấp Thành phố còn lại sau khi đã trích tạo nguồn thực hiện chính sách tiền lương theo quy định của pháp luật.
2. Sau khi đã trích tạo nguồn thực hiện chính sách tiền lương và bổ sung nguồn cho Quỹ thưởng quy định tại khoản 1 Điều này, nguồn tăng thu ngân sách cấp Thành phố còn lại được sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b, d, đ, e khoản 2 Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước và các nhiệm vụ sau:
 - a) Bổ sung vốn cho chi đầu tư phát triển;
 - b) Bổ sung kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách do Trung ương và thành phố Hà Nội ban hành;
 - c) Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi của ngân sách cấp Thành phố mà chưa được dự toán hoặc đã bố trí dự toán nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu;

d) Hỗ trợ ngân sách cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ chi theo phân cấp của cấp xã nhưng ngân sách cấp xã chưa cân đối được trong dự toán hoặc đã bố trí dự toán nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu; một số nhiệm vụ đột xuất, cấp bách khác phát sinh trong năm, sau khi ngân sách cấp xã đã sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình và các nguồn lực tài chính hợp pháp khác để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu;

đ) Hỗ trợ các cơ quan trung ương, các địa phương khác trong nước hoặc hỗ trợ quốc gia khác.

Điều 5. Nội dung chi từ nguồn tăng thu ngân sách cấp xã, ngoài các nội dung đã được quy định theo pháp luật về ngân sách nhà nước

1. Bổ sung nguồn tài chính cho Quỹ thưởng theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 21 Luật Thủ đô với mức trích 2% nguồn tăng thu thuế, phí thực hiện hằng năm so với dự toán của ngân sách cấp xã còn lại sau khi đã trích tạo nguồn thực hiện chính sách tiền lương theo quy định của pháp luật.

2. Sau khi đã trích tạo nguồn thực hiện chính sách tiền lương và bổ sung nguồn cho Quỹ thưởng quy định tại khoản 1 Điều này, nguồn tăng thu ngân sách cấp xã còn lại được sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại điểm b, d, đ, e khoản 2 Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước và các nhiệm vụ sau:

a) Bổ sung vốn cho chi đầu tư phát triển;

b) Bổ sung kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách do Trung ương và thành phố Hà Nội ban hành;

c) Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã mà chưa được dự toán hoặc đã bố trí dự toán nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu;

d) Hỗ trợ đơn vị hành chính cấp xã khác của Thành phố.

Điều 6. Nội dung chi từ nguồn thưởng vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố và nguồn bổ sung có mục tiêu từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Luật Thủ đô, ngoài các nội dung đã được quy định theo pháp luật về ngân sách nhà nước

1. Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; bố trí vốn để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Sau khi đã đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước và khoản 1 Điều này, nguồn thưởng vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố và nguồn bổ sung có mục tiêu từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương

quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Luật Thủ đô còn lại được sử dụng cho các nhiệm vụ sau:

a) Bổ sung kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách do Trung ương và thành phố Hà Nội ban hành;

b) Các nhiệm vụ cần thiết khác do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định sau khi xin ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 7. Thuởng vượt thu so với dự toán cho ngân sách cấp xã từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp xã

1. Trường hợp có tăng thu ngân sách cấp Thành phố thực hiện so với dự toán Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao từ các khoản thu thuế, phí, lệ phí phân chia giữa ngân sách các cấp của Thành phố và tổng ngân sách cấp Thành phố không hụt thu so với dự toán, ngân sách cấp Thành phố trích một phần theo tỷ lệ không quá 20% của số tăng thu các khoản thu phân chia này để thưởng cho ngân sách các xã, phường có tăng thu, nhưng không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước. Mức thưởng cụ thể hằng năm do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định.

2. Căn cứ vào mức thưởng do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sử dụng số được thưởng vượt thu để đầu tư xây dựng các chương trình, dự án kết cấu hạ tầng, thực hiện các nhiệm vụ quan trọng.

III. NGHỊ QUYẾT SỐ 42/2026/NQ-HĐND NGÀY 15/6/2026 CỦA HĐND THÀNH PHỐ.

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết số 42/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố quy định việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu dự án, trái phiếu công trình, trái phiếu đô thị, trái phiếu xanh; vay từ các tổ chức tín dụng, ngân quỹ nhà nước.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

2.1. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới xác định Thành phố được quyền huy động vốn để triển khai các dự án trọng điểm (thông qua phát hành trái phiếu Thủ đô, trái phiếu công trình, trái phiếu đô thị, trái phiếu xanh; vay từ tổ chức tín dụng trong nước và ngân quỹ nhà nước với điều kiện thuận lợi.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định “*Tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển*

Thủ đô: Hoàn thành việc cụ thể hóa Luật Thủ đô; xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, khắc phục hạn chế và khơi thông, huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển”.

- Điểm c khoản 5 Điều 21 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 quy định: “*Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền quy định việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu dự án, trái phiếu công trình, trái phiếu đô thị, trái phiếu xanh; vay từ các tổ chức tín dụng, ngân quỹ nhà nước”.*

- Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 141/2025/QH15;

- Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của Chính quyền địa phương;

- Nghị định số 84/2026/NĐ-CP ngày 25/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực quản lý nợ công;

- Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 14/2025/NĐ-CP ngày 24/01/2025 của Chính phủ;

2.2. Cơ sở thực tiễn

Ngày 23/4/2026, Quốc hội đã thông qua Luật Thủ đô năm 2026, Luật đã tạo lập khuôn khổ pháp lý đặc thù, vượt trội nhằm tăng cường phân quyền, phân cấp và trao quyền chủ động cho thành phố Hà Nội trong quản lý tài chính - ngân sách và huy động nguồn lực phát triển. Trong đó, Luật Thủ đô quy định Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được quyết định cụ thể về việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, bao gồm các hình thức như trái phiếu dự án, trái phiếu công trình, trái phiếu đô thị, trái phiếu xanh; đồng thời quyết định việc vay từ các tổ chức tín dụng và vay từ ngân quỹ nhà nước để đầu tư các chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

Thực tiễn cho thấy, trong những năm gần đây, thành phố Hà Nội đã sử dụng hiệu quả công cụ huy động vốn như vay lại vốn ODA. Tuy nhiên, nhu cầu vốn cho các dự án chiến lược của Thành phố trong giai đoạn 2026–2035, đặc biệt là hệ thống đường sắt đô thị, các tuyến vành đai, cầu qua sông Hồng, các dự án xử lý môi trường, chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh là rất lớn. Việc chỉ dựa vào nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước sẽ không đáp ứng được yêu cầu tiến độ và quy mô đầu tư. Việc phát hành trái phiếu dự án, trái phiếu công trình và trái phiếu đô thị sẽ cho phép Thành phố gắn nguồn vốn huy động với các dự án, công trình, đô thị cụ thể, nâng cao tính minh bạch, tăng khả năng tiếp cận các nhà đầu tư tổ chức, quỹ đầu tư, tổ chức tài chính trong và ngoài nước, đồng thời mở rộng quy mô và kỳ hạn huy động vốn. Bên cạnh đó, cơ chế vay từ các tổ chức tín

dụng và vay từ ngân quỹ nhà nước giúp Thành phố chủ động huy động vốn bảo đảm tiến độ triển khai các dự án cấp bách.

Từ yêu cầu thực tiễn và mục tiêu phát triển nêu trên, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu dự án, trái phiếu công trình, trái phiếu đô thị; vay từ các tổ chức tín dụng, ngân quỹ nhà nước là hết sức cần thiết, nhằm cụ thể hóa các cơ chế đặc thù theo Luật Thủ đô năm 2026, tăng cường tính chủ động trong huy động vốn, bảo đảm nguồn lực cho đầu tư phát triển của Thành phố Hà Nội.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết:

- Cụ thể hóa điểm c khoản 5 Điều 21 Luật Thủ đô về việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu dự án, trái phiếu công trình, trái phiếu đô thị; vay từ các tổ chức tín dụng và từ nguồn ngân quỹ nhà nước để đầu tư các chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

- Bảo đảm tuân thủ Hiến pháp và thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, đặc biệt là Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 141/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành; bảo đảm việc huy động vốn trong phạm vi giới hạn dư nợ vay và khả năng cân đối, trả nợ của ngân sách Thành phố.

- Đa dạng hóa nguồn lực tài chính, huy động các nguồn vốn trung và dài hạn cho các chương trình, dự án trọng điểm, đặc biệt là hệ thống đường sắt đô thị và các công trình hạ tầng chiến lược của Thủ đô.

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong toàn bộ quá trình xây dựng phương án huy động vốn, phát hành trái phiếu, quản lý, sử dụng vốn và bố trí nguồn trả nợ.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 09 Điều về các quy định chung, quy định cụ thể và điều khoản thi hành, cụ thể:

- Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ và nguyên tắc chung.

- Chính quyền địa phương thành phố Hà Nội được vay để bù đắp bội chi ngân sách Thành phố và vay để trả nợ gốc các khoản vay của Thành phố Hà Nội theo quy định pháp luật; Tổng mức vay, dư nợ vay và nghĩa vụ trả nợ của ngân sách Thành phố phải bảo đảm trong giới hạn được Quốc hội, Chính phủ và pháp luật quy định; Khoản vay, phát hành trái phiếu phải nằm trong kế hoạch vay, trả nợ công trung hạn và hằng năm của ngân sách Thành phố; Dự án sử dụng vốn vay phải thuộc danh mục đầu tư công trung hạn, đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định pháp luật.

- Quy định về phát hành trái phiếu chính quyền địa phương: Quy định nội dung xây dựng và thời gian trình Đề án sơ bộ phát hành trái phiếu, Đề án phát hành trái phiếu; phương thức phát hành trái phiếu; tổ chức phát hành trái phiếu.

- Quy định về vay từ tổ chức tín dụng: Căn cứ dự toán ngân sách Thành phố, tổng mức vay hằng năm được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và tổ chức cho vay thỏa thuận thống nhất các điều kiện của khoản vay, nhưng khoản vay phải bằng tiền Đồng Việt Nam, lãi suất vay và chi phí khác liên quan đến khoản vay phải phù hợp với mặt bằng lãi suất chung của thị trường tại thời điểm vay, thời hạn khoản vay phải tối thiểu từ 03 năm trở lên.

- Quy định về vay từ ngân quỹ nhà nước: Căn cứ dự toán ngân sách Thành phố, tổng mức vay hằng năm được Quốc hội, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có văn bản kèm hồ sơ liên quan gửi Bộ Tài chính xem xét, quyết định cho ngân sách Thành phố vay ngân quỹ nhà nước, phù hợp với khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi tại thời điểm xem xét, quyết định cho ngân sách Thành phố vay ngân quỹ nhà nước. Mức lãi suất áp dụng đối với các khoản vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách Thành phố là 0%/năm.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định chính quyền địa phương được thực hiện huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, nhưng chưa có quy định cụ thể về trái phiếu dự án, trái phiếu công trình, trái phiếu đô thị. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 5 Điều 21 Luật Thủ đô năm 2026, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu dự án, trái phiếu công trình, trái phiếu đô thị, trái phiếu xanh; vay từ các tổ chức tín dụng, ngân quỹ nhà nước đã cụ thể hóa các loại hình trái phiếu Thành phố phát hành: trái phiếu dự án, trái phiếu công trình, trái phiếu đô thị, trái phiếu xanh gắn theo từng mục đích sử dụng nguồn vốn huy động, làm cơ sở pháp lý cho Thành phố xây dựng Đề án phát hành trái phiếu cụ thể hàng năm và quá trình huy động, quản lý và sử dụng nguồn vốn huy động phù hợp với yêu cầu phát triển của Thủ đô trong giai đoạn tới.

Việc phát hành trái phiếu dự án, trái phiếu công trình, trái phiếu đô thị gắn với Đề án phát hành trái phiếu được HĐND Thành phố phê duyệt bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn, tránh dàn trải nguồn lực, linh hoạt nguồn trả nợ và tăng tính hấp dẫn đối với các nhà đầu tư tham gia mua trái phiếu, trong đó:

- Xác định rõ dự án, công trình sử dụng vốn huy động, nhu cầu vốn, tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân đảm bảo phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn, khả năng cân đối nguồn vốn.

- Đối với nghĩa vụ trả nợ cho phép xác định linh hoạt nguồn trả nợ phù hợp với tính chất của từng loại trái phiếu cụ thể, bao gồm nguồn ngân sách Thành phố và các nguồn thu hợp pháp phát sinh từ dự án, công trình, đô thị được đầu tư từ nguồn vốn huy động. Quy định này góp phần nâng cao tính khả thi của phương án huy động vốn, tăng cường trách nhiệm trong sử dụng vốn vay, đồng thời hạn chế rủi ro đối với ngân sách và bảo đảm an toàn nợ công địa phương theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện, dự thảo Nghị quyết cho phép UBND Thành phố tiếp tục đánh giá, nghiên cứu và báo cáo HĐND Thành phố bổ sung quy định các hình thức huy động, phát hành trái phiếu khác quy định hiện nay (nếu cần thiết).

IV. NGHỊ QUYẾT SỐ 43/2026/NQ-HĐND NGÀY 15/6/2026 CỦA HĐND THÀNH PHỐ.

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết số 43/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 quy định chế độ tự chủ về kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam và cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố (*Thực hiện điểm d khoản 5 Điều 21 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16*).

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

2.1. Căn cứ pháp lý

- Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại Kỳ họp lần thứ 1, Quốc hội Khóa XVI đã thông qua Luật Thủ đô (Luật số 02/2026/QH16); trong đó: tại điểm d khoản 5 Điều 21 quy định HĐND Thành phố có thẩm quyền: “*Quy định chế độ tự chủ về kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam và cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố*”.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2025-2030 xác định “*Tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển Thủ đô: Hoàn thành việc cụ thể hóa Luật Thủ đô; xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, khắc phục hạn chế và khơi thông, huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển.*”

2.2. Cơ sở thực tiễn

Thực tiễn quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy, với vai trò là Thủ đô, trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, quy mô dân số lớn, tốc độ đô thị hóa nhanh, khối lượng công việc hành chính ngày càng gia tăng và yêu cầu

quản trị đô thị hiện đại đã đặt ra yêu cầu cao đối với công tác quản lý, điều hành của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố.

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 75/2026/NĐ-CP ngày 16/3/2026 quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính, Nghị định số 04/2026/NĐ-CP ngày 28/01/2026 quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam thay thế các Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 216/TTLT-BTCQT-BTC và Thông tư số 1539/2017/TT-BTC. Các quy định mới ra đời đã quy định rõ ràng hơn các khoản chi thu nhập tăng thêm, thưởng và phúc lợi, tạo động lực thực chất cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, quy trình báo cáo và kiểm soát được số hóa mạnh mẽ, giúp minh bạch hóa mọi khoản chi tiêu công. Đây chính là đòn bẩy để xây dựng một bộ máy hành chính tinh gọn, hiệu quả và liêm chính trong kỷ nguyên mới.

Tuy nhiên, cơ chế quản lý tài chính hành chính hiện hành theo quy định chung của Trung ương vẫn còn mang tính bình quân, chưa phản ánh đầy đủ tính chất đặc thù của đô thị đặc biệt, dẫn đến mức độ chủ động của các cơ quan, đơn vị trong quản lý, sử dụng kinh phí còn hạn chế; chưa gắn đầy đủ trách nhiệm của người đứng đầu với hiệu quả sử dụng ngân sách và kết quả thực hiện nhiệm vụ; chưa tạo được động lực mạnh mẽ nâng cao năng suất, chất lượng thực thi công vụ; đồng thời chưa đáp ứng yêu cầu về tinh gọn tổ chức bộ máy, đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số theo định hướng xây dựng chính quyền đô thị hiện đại.

Việc ban hành Nghị quyết sẽ tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách đặc thù của Thành phố về tổ chức bộ máy, quản lý nhân sự và tài chính công; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết:

- Việc ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố nhằm cụ thể hóa quy định tại điểm d khoản 5 Điều 21 Luật Thủ đô (Luật số 02/2026/QH16) về quy định chế độ tự chủ về kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam và cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; tạo điều kiện để các cơ quan, đơn vị chủ động trong việc sử dụng nguồn kinh phí tự chủ được giao một cách hợp lý nhất để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, từng bước nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, tạo động lực để cán bộ, công chức thực thi công vụ đạt chất lượng và hiệu quả cao; đồng thời đồng bộ với các quy định về tự chủ trong

tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, chính sách thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Thành phố.

- Kết quả đạt được: Các cơ quan, đơn vị được chủ động hơn trong quản lý và sử dụng kinh phí, bảo đảm hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; Tạo động lực nâng cao năng suất lao động, chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính, các cơ quan Đảng và Mặt trận Tổ quốc các cấp; góp phần xây dựng nền tài chính công hiện đại, bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của Thủ đô Hà Nội trong giai đoạn mới; Tăng cường trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch trong quản lý tài chính; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

Nghị quyết được bố cục thành 6 Điều, gồm:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Quy định chế độ tự chủ về kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam và cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố

Điều 4. Nguồn kinh phí

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Hiệu lực thi hành

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành:

5.1. Giao bổ sung thêm các nội dung kinh phí thực hiện chế độ tự chủ từ nguồn ngân sách nhà nước cho các cơ quan nhà nước sử dụng kinh phí quản lý hành chính do ngân sách nhà nước cấp; Văn phòng Thành ủy; Văn phòng Đảng ủy cấp xã; cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp thành phố Hà Nội, bao gồm:

a. Khoản chi hoạt động thường xuyên (bao gồm chi hoạt động và chi tiền lương, tiền công lao động, các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,...) để thực hiện các công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ theo số lượng đối tượng lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt và định mức phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên cho hợp đồng thực hiện công tác hỗ trợ, phục vụ theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

b. Khoản chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung theo số lượng xe theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe phục vụ công tác chung được cấp có thẩm

quyền phê duyệt và định mức phân bổ dự toán chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung của các cơ quan đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

c. Khoản chi hoạt động thường xuyên theo kết quả đánh giá, xếp loại cơ quan, đơn vị, gồm đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở đảng của cấp có thẩm quyền theo quy định của Ban Thường vụ Thành uỷ.

Căn cứ kết quả đánh giá năm gần nhất tại thời điểm lập dự toán hàng năm, khoản kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng mức kinh phí khoản chi hoạt động thường xuyên của các đơn vị (không bao gồm lương của hợp đồng thực hiện công tác hỗ trợ, phục vụ). Cụ thể: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 15%; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 10%; hoàn thành nhiệm vụ: 5%; không hoàn thành nhiệm vụ: 0%.

5.2. Cơ quan thực hiện chế độ tự chủ được quyết định hệ số tăng thêm để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, người lao động theo thực tế kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được (*không khống chế mức tối đa 1,0 lần quỹ lương thực tế của đơn vị theo quy định của Trung ương*).

V. NGHỊ QUYẾT SỐ 44/2026/NQ-HĐND NGÀY 15/6/2026 CỦA HĐND THÀNH PHỐ.

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết số 44/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố quy định một số nội dung về bố trí vốn đầu tư công, vốn chi thường xuyên và việc sử dụng ngân sách cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

2.1. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/05/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định yêu cầu “đẩy mạnh phân cấp, phân quyền”, “xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho Thủ đô”, đồng thời nâng cao hiệu quả huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực đầu tư phát triển.

- Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới, trong đó tại điểm 7, mục III Trung ương giao Thành phố được quyền quyết định các biện pháp, chính sách đặc biệt, khác với quy định của pháp luật để tháo gỡ vướng mắc các dự án chậm triển khai, sớm đưa vào thực hiện nhằm khơi thông, phát huy hiệu quả nguồn lực.

- Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thành phố. Trong đó, Quốc hội quy định một số nhóm dự án lớn, quan trọng được áp dụng Nghị quyết này là các dự án đầu tư mới, cải tạo công trình để xử lý

điểm nghẽn, cấp bách về ùn tắc giao thông, ứng ngập, ô nhiễm môi trường, trật tự đô thị sử dụng vốn ngân sách cấp Thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác thì được thực hiện đầu tư, xây dựng theo quy định về đầu tư công khẩn cấp của pháp luật về đầu tư công, lệnh xây dựng khẩn cấp của pháp luật về xây dựng.

- Luật Thủ đô năm 2026 quy định nhiều cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hà Nội, trong đó điểm b khoản 2 Điều 8 và điểm h, điểm i khoản 5 Điều 21 giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc bố trí nguồn vốn đầu tư công trong phạm vi tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án cho các dự án có trong danh mục đầu tư công trung hạn, quyết toán dự án hoàn thành và các dự án khẩn cấp khi được người có thẩm quyền phê duyệt lệnh khẩn cấp không phụ thuộc vào mức vốn hàng năm đã giao cho từng dự án; việc bố trí nguồn vốn chi thường xuyên để chủ động phân bổ và giao dự toán thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành và các nhiệm vụ cần thiết khác trong năm.

- Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành đã xác lập nguyên tắc quản lý, phân bổ, điều hành vốn đầu tư công và ngân sách nhà nước theo hướng công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 được Quốc hội thông qua, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, đã thiết lập khung pháp lý mới với nhiều cơ chế, chính sách đặc thù, phân quyền mạnh mẽ cho chính quyền Thành phố Hà Nội trong quản lý đầu tư, tài chính, ngân sách và phát triển đô thị. Trong đó, Luật Thủ đô cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết, tổ chức thực hiện nhiều nội dung quan trọng nhằm bảo đảm tính chủ động trong điều hành ngân sách, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

Thực hiện quy định của Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 và Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 01/5/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc sử dụng nguồn ngân sách Thành phố để thực hiện một số nhiệm vụ, dự án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8, điểm h, i khoản 5 Điều 21 Luật Thủ đô là cần thiết, cấp bách, nhằm kịp thời đưa các cơ chế, chính sách đặc thù vào thực tiễn quản lý, điều hành của Thành phố ngay khi Luật Thủ đô có hiệu lực.

Thứ nhất, đối với quy định việc bố trí, sử dụng nguồn ngân sách Thành phố để thực hiện một số nhiệm vụ, dự án theo quy định tại điểm i khoản 5 Điều 21 Luật Thủ đô.

Luật đã cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc bố trí nguồn vốn đầu tư công trong phạm vi tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án cho các

dự án có trong danh mục đầu tư công trung hạn, quyết toán dự án hoàn thành và các dự án khẩn cấp khi được người có thẩm quyền phê duyệt lệnh khẩn cấp không phụ thuộc vào mức vốn hằng năm đã giao cho từng dự án; đồng thời cho phép bố trí nguồn vốn chi thường xuyên để chủ động phân bổ, giao dự toán thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành và các nhiệm vụ cần thiết khác trong năm ngân sách.

Đầu tư công là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị và tạo nền tảng phát triển kinh tế - xã hội bền vững của Thủ đô. Trong bối cảnh Thành phố đang tập trung triển khai đồng thời nhiều dự án trọng điểm về hạ tầng kỹ thuật, giao thông, tái định cư và các nhiệm vụ cấp bách, yêu cầu về cơ chế điều hành nguồn vốn linh hoạt, chủ động, kịp thời ngày càng trở nên cấp thiết nhằm bảo đảm tiến độ triển khai, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và hạn chế tình trạng chậm trễ trong công tác chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng và thực hiện dự án.

Trong thời gian qua, các nghị quyết hằng năm của Hội đồng nhân dân Thành phố về kế hoạch đầu tư công đã cho phép điều hành, bố trí và sử dụng nguồn vốn theo hướng linh hoạt, chủ động, qua đó kịp thời xử lý các yêu cầu phát sinh và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư công. Do đó, việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm cụ thể hóa quy định của Luật Thủ đô năm 2026, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc phân bổ, giao dự toán, thanh toán và quyết toán vốn; đồng thời nâng cao tính chủ động trong quản lý, điều hành nguồn vốn đầu tư công và chi thường xuyên, góp phần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Thứ hai, đối với cơ chế cho phép Hội đồng nhân dân cấp xã sử dụng ngân sách cấp xã để hỗ trợ đơn vị hành chính cấp xã khác của Thành phố theo điểm h khoản 5 Điều 21 Luật Thủ đô. Đây là cơ chế đặc thù mới, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và yêu cầu tăng cường phân cấp, phân quyền trong quản lý ngân sách địa phương.

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, việc cho phép các quận, huyện, thị xã sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ đơn vị hành chính cấp huyện khác trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ an sinh xã hội, phúc lợi xã hội đã mang lại hiệu quả tích cực. Cơ chế này giúp Thành phố huy động nguồn lực tại chỗ, giảm sự phụ thuộc vào ngân sách cấp Thành phố, kịp thời hỗ trợ các địa bàn khó khăn trong xây dựng hạ tầng, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và bảo đảm an sinh xã hội, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các khu vực.

Tuy nhiên, trong bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương hai cấp hiện nay, giữa các xã, phường vẫn tồn tại sự chênh lệch khá lớn về quy mô dân số, điều kiện hạ tầng, tốc độ đô thị hóa, khả năng cân đối ngân sách và nhu cầu thực hiện các

chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Do đó, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế hỗ trợ theo hướng quy định rõ nguyên tắc, điều kiện, nội dung, nguồn kinh phí và trách nhiệm giám sát để bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả.

Việc cho phép các xã, phường có điều kiện hỗ trợ các địa bàn còn khó khăn sẽ góp phần tăng cường liên kết, chia sẻ nguồn lực nội bộ Thành phố; tạo điều kiện để các xã, phường được hỗ trợ có thêm nguồn lực đầu tư hạ tầng thiết yếu, chăm lo đời sống nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đồng đều, bền vững, phù hợp với định hướng xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại và phát triển bao trùm.

Thứ ba, đối với cơ chế sử dụng kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng theo điểm b khoản 2 Điều 8 Luật Thủ đô.

Trước đây Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 09/9/2025) để triển khai thực hiện khoản 3 Điều 35 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15. Các quy định này đã góp phần tháo gỡ khó khăn, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình, tài sản công phục vụ nhiệm vụ chính trị, an sinh xã hội và đời sống nhân dân trên địa bàn Thành phố.

Tuy nhiên, Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 (thay thế Luật Thủ đô số 39/2024/QH15) không còn quy định riêng về nội dung trên. Đồng thời, tại điểm b khoản 2 điều 4 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định tổng mức kinh phí thực hiện các nhiệm vụ nêu trên sử dụng nguồn chi thường xuyên tối đa không quá 20 tỷ đồng/nhiệm vụ. Trong khi đó, thực tiễn Thành phố Hà Nội có quy mô hệ thống hạ tầng, tài sản công các lĩnh vực đề điều, thủy lợi, hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng văn hóa – xã hội... rất lớn; thường xuyên phát sinh các nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ chính trị quan trọng cần triển khai trong thời gian ngắn để phục vụ các sự kiện lớn của Thủ đô và cả nước. Nếu áp dụng cứng nhắc giới hạn 20 tỷ đồng/nhiệm vụ sẽ gây khó khăn, vướng mắc; ngược lại, nếu thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công sẽ không đáp ứng được yêu cầu về tiến độ do phải tuân thủ đầy đủ quy trình, thủ tục của Luật Đầu tư công.

Do đó, việc ban hành Nghị quyết để quy định cơ chế đặc thù phù hợp với thực tiễn của Thủ đô là cần thiết, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho Thành phố chủ động sử dụng nguồn chi thường xuyên để thực hiện kịp thời các nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư; bảo đảm duy trì hoạt động ổn định của hệ thống hạ tầng, tài sản công và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ chính trị của Thành phố.

Nghị quyết được ban hành đã hình thành khuôn khổ pháp lý đầy đủ, minh bạch và thống nhất, tạo cơ sở để Thành phố chủ động trong công tác điều hành ngân sách, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý đầu

tư công, đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án trọng điểm, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của Thủ đô trong giai đoạn mới.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết:

- Cụ thể hóa các cơ chế, chính sách đặc thù về quản lý ngân sách, đầu tư công và phân cấp nguồn lực được quy định tại Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; đồng thời tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất để Thành phố chủ động trong bố trí, quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên để triển khai các nhiệm vụ, dự án. Nghị quyết cũng là cơ sở để thực hiện cơ chế hỗ trợ giữa các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn Thành phố, góp phần tăng cường liên kết, chia sẻ nguồn lực, bảo đảm an sinh xã hội và thúc đẩy phát triển hài hòa giữa các địa phương. Qua đó, nâng cao hiệu quả điều hành ngân sách, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, dự án trọng điểm, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương tài chính và sử dụng hiệu quả nguồn lực công, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của Thủ đô trong giai đoạn mới.

- Bảo đảm tuân thủ Hiến pháp và thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, đặc biệt là Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành; phát huy tối đa quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền Thành phố theo tinh thần phân quyền của Luật Thủ đô, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý, không làm phát sinh thủ tục, điều kiện.

- Thực hiện nguyên tắc 6 rõ: “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền” của các tổ chức, cá nhân trong quá trình tổ chức triển khai thi hành Luật; đảm bảo Luật Thủ đô và các văn bản thi hành Luật Thủ đô được thực hiện thống nhất, đồng bộ.

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong toàn bộ quá trình xây dựng phương án huy động vốn, phát hành trái phiếu, quản lý, sử dụng vốn và bố trí nguồn trả nợ.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 06 Chương, 18 Điều về các quy định chung, quy định cụ thể và điều khoản thi hành, cụ thể:

- Chương I. Quy định chung (gồm 03 Điều), quy định về: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc chung.

- Chương II. Quy định bố trí vốn đầu tư công trong phạm vi tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án, quyết toán dự án hoàn thành và các dự án khẩn cấp khi được người có thẩm quyền phê duyệt lệnh khẩn cấp (gồm 05 điều).

- Chương III. Quy định bố trí vốn thường xuyên để chủ động phân bổ và

giao dự toán thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành và các nhiệm vụ cần thiết khác trong năm ngân (gồm 03 điều).

- Chương IV. Quy định về sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách thành phố thực hiện nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng (gồm 02 điều).

- Chương V. Quy định việc hội đồng nhân dân cấp xã sử dụng ngân sách cấp xã để hỗ trợ đơn vị hành chính cấp xã khác của thành phố (gồm 02 điều).

- Chương VI. Điều khoản thi hành (gồm 03 điều).

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

Nghị quyết đã cụ thể hóa các cơ chế, chính sách đặc thù được Luật Thủ đô năm 2026 giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định, tạo bước đổi mới trong quản lý, điều hành ngân sách và đầu tư công theo hướng chủ động, linh hoạt, phù hợp với yêu cầu phát triển của Thủ đô.

Thứ nhất, Nghị quyết cho phép bố trí và điều hành vốn đầu tư công, kinh phí chi thường xuyên để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành và các nhiệm vụ cần thiết khác theo tiến độ triển khai thực tế và nhu cầu phát sinh trong phạm vi tổng nguồn vốn đã được cấp có thẩm quyền giao nhưng chưa phân bổ chi tiết, không phụ thuộc vào mức vốn đã bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án. Đồng thời, cho phép bố trí vốn ngay đối với các dự án khẩn cấp sau khi được người có thẩm quyền phê duyệt lệnh khẩn cấp, góp phần nâng cao tính chủ động và rút ngắn thời gian xử lý các tình huống cấp bách.

Thứ hai, Nghị quyết mở rộng phạm vi sử dụng kinh phí chi thường xuyên để thực hiện nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng. Bên cạnh các nhiệm vụ có tổng mức đầu tư không quá 20 tỷ đồng thực hiện theo quy định chung, Nghị quyết cho phép UBND Thành phố quyết định chủ trương thực hiện đối với các nhiệm vụ có tổng mức đầu tư từ 20 tỷ đồng đến dưới 90 tỷ đồng, thời gian thực hiện không quá 02 năm. Quy định này tạo cơ chế linh hoạt hơn so với quy định hiện hành, đáp ứng kịp thời yêu cầu xử lý các nhiệm vụ cấp bách, bảo đảm duy trì, nâng cao hiệu quả khai thác các công trình hiện có.

Thứ ba, Nghị quyết quy định cơ chế để Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định sử dụng nguồn chi đầu tư phát triển theo phân cấp và nguồn tăng thu ngân sách cấp xã sau khi bảo đảm cân đối nhiệm vụ chi để hỗ trợ đơn vị hành chính cấp xã khác của Thành phố thực hiện nhiệm vụ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các dự án quan trọng tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Đây là cơ chế tăng cường tính chủ động, phát huy tinh thần chia sẻ nguồn lực giữa các địa phương, đồng thời phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

VI. NGHỊ QUYẾT SỐ 45/2026/NQ-HĐND NGÀY 15/6/2026 CỦA HĐND THÀNH PHỐ.

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định về quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư; lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu trong trường hợp đặc biệt; việc xác định dự án cần triển khai ngay trên địa bàn thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm a, b, d khoản 5 Điều 22 của Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

a. Cơ sở pháp lý:

Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 được Quốc hội thông qua, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, đã thiết lập khuôn khổ pháp lý mới với nhiều cơ chế, chính sách đặc thù, phân quyền mạnh mẽ cho chính quyền Thành phố Hà Nội trong quản lý đầu tư, phát triển đô thị. Tuy nhiên, Luật chỉ quy định mang tính nguyên tắc, đồng thời giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết về hồ sơ, nội dung thẩm định, trình tự, thủ tục quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư; tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu trong trường hợp đặc biệt; tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục xác định dự án cần triển khai ngay trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đây là nội dung cốt lõi, có phạm vi tác động rộng, liên quan trực tiếp đến công tác quản lý nhà nước về đầu tư và môi trường thu hút đầu tư của Thành phố.

Trong khi đó, Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND, văn bản hiện hành đang điều chỉnh nội dung này sẽ hết hiệu lực kể từ thời điểm Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 có hiệu lực thi hành. Nếu không kịp thời ban hành quy định thay thế, sẽ phát sinh khoảng trống pháp lý, gây gián đoạn trong quá trình tiếp nhận, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và xử lý các thủ tục liên quan; đồng thời ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án, làm giảm tính chủ động, linh hoạt của chính quyền Thành phố theo tinh thần phân quyền của Luật mới.

Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố nhằm cụ thể hóa điểm a,b,d khoản 5 Điều 22 Luật Thủ đô năm 2026 vì vậy là yêu cầu cấp thiết, bảo đảm tính liên tục, thống nhất của hệ thống pháp luật; đồng thời tạo lập hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch, cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực cạnh tranh trong thu hút đầu tư của Thủ đô.

Bên cạnh đó, việc ban hành Nghị quyết cũng là nhiệm vụ đã được xác định trong các Kế hoạch của Thành phố: Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 01/5/2026 của UBND Thành phố, Kế hoạch số 09/KH-HĐND ngày 29/4/2026 của HĐND Thành phố. Do đó, việc khẩn trương xây dựng, trình ban hành Nghị quyết không chỉ

bảo đảm tuân thủ quy định của Luật mà còn góp phần sớm đưa các cơ chế, chính sách đặc thù vào thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của Thủ đô trong giai đoạn mới.

b. Cơ sở thực tiễn:

Trong thời gian qua, thành phố Hà Nội đã tập trung triển khai nhiều chương trình, dự án trọng điểm về hạ tầng kỹ thuật, giao thông, đô thị, môi trường, chuyển đổi số, nhà ở xã hội, giáo dục, y tế và phát triển các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu đô thị mới. Tuy nhiên, quá trình tổ chức thực hiện còn phát sinh một số vướng mắc liên quan đến trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư; lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu; phối hợp thẩm định giữa các cơ quan, đơn vị và xử lý các dự án cấp bách cần triển khai ngay.

Một số quy định của pháp luật hiện hành còn chưa đáp ứng yêu cầu rút ngắn thời gian chuẩn bị đầu tư đối với các dự án lớn, quan trọng, dự án hạ tầng chiến lược, dự án có tính chất cấp bách hoặc cần triển khai đồng bộ để phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Việc thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định chung trong một số trường hợp dẫn đến kéo dài thời gian chuẩn bị đầu tư, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án, làm giảm hiệu quả huy động nguồn lực xã hội và cơ hội thu hút các nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm.

Bên cạnh đó, thực tiễn triển khai các dự án PPP, dự án đầu tư có sử dụng đất và các dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược trên địa bàn Thành phố cho thấy cần có cơ chế linh hoạt, phù hợp với tính chất đặc thù của Thủ đô nhằm: Chủ động lựa chọn nhà đầu tư có năng lực tài chính, kinh nghiệm và khả năng triển khai thực hiện dự án; Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục đầu tư; Đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình, dự án trọng điểm; Nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, nguồn lực đầu tư và hiệu quả quản lý nhà nước.

Ngoài ra, thực tiễn phát triển của Thành phố đặt ra yêu cầu cần có cơ chế xác định và triển khai ngay đối với các dự án cấp bách, dự án có ý nghĩa chiến lược, tạo động lực phát triển vùng, liên vùng, các dự án phục vụ nhiệm vụ chính trị, an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và xử lý các vấn đề dân sinh bức xúc. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định cụ thể về tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục xác định “dự án cần triển khai ngay” để làm cơ sở tổ chức thực hiện thống nhất trên địa bàn Thành phố.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cụ thể các nội dung nêu trên là cần thiết, phù hợp yêu cầu thực tiễn quản lý, điều hành và tổ chức triển khai các cơ chế đặc thù theo Luật Thủ đô; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

- Mục đích: Nghị quyết được ban hành nhằm cụ thể hóa Luật Thủ đô và các quy định pháp luật có liên quan, tạo hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ và khả thi cho việc quyết định, chấp thuận và điều chỉnh chủ trương đầu tư; lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu trong trường hợp đặc biệt trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Đồng thời, thiết lập cơ chế linh hoạt, rút ngắn thời gian xử lý thủ tục hành chính đối với các dự án quan trọng, cấp bách, góp phần nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư và sử dụng nguồn lực.

- Ý nghĩa và tác động của Nghị quyết: Việc triển khai Nghị quyết kỳ vọng góp phần rút ngắn thời gian chuẩn bị và triển khai dự án, thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án hạ tầng, đô thị, môi trường và phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm của Thủ đô. Qua đó, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư chiến lược, đồng thời bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực công, tăng cường tính cạnh tranh và phát triển bền vững của Thành phố.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm các quy định về quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư; lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu trong trường hợp đặc biệt; việc xác định dự án cần triển khai ngay trên địa bàn thành phố Hà Nội theo thẩm quyền được giao tại Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, gồm các nội dung cơ bản sau:

- Quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; nguyên tắc thực hiện; giải thích từ ngữ và các quy định chung nhằm bảo đảm công khai, minh bạch, phân định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước, nhà đầu tư, nhà thầu và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Quy định tiêu chí, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với: Dự án đầu tư công; Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP); Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo phân cấp, phân quyền tại Luật Thủ đô.

- Quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, nội dung thẩm định, trách nhiệm của cơ quan chủ trì thẩm định, cơ quan phối hợp, Hội đồng thẩm định; thời hạn giải quyết thủ tục hành chính; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến nhằm rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, nâng cao hiệu quả phối hợp liên thông giữa các cơ quan nhà nước.

- Quy định tiêu chí xác định dự án cần triển khai ngay; cơ chế xem xét, xác định và tổ chức thực hiện đối với các dự án cần triển khai ngay nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách về phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, chỉnh trang đô thị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm của Thủ đô.

- Quy định tiêu chí, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt đối với: Dự án PPP; Dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư; Dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược theo quy định của Luật Thủ đô và nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố. Các quy định này tập trung làm rõ điều kiện áp dụng hình thức lựa chọn trong trường hợp đặc biệt; yêu cầu về năng lực tài chính, khả năng huy động vốn, kinh nghiệm, cam kết triển khai dự án, trách nhiệm của nhà đầu tư và trách nhiệm của cơ quan tổ chức thẩm định, quyết định lựa chọn nhà đầu tư.

- Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với các dự án đầu tư công cần triển khai ngay hoặc dự án lớn, quan trọng theo quy định của Luật Thủ đô; bảo đảm yêu cầu rút ngắn thời gian thực hiện nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ về năng lực, kinh nghiệm, giải pháp kỹ thuật, tài chính và hiệu quả đầu tư.

- Quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, chủ đầu tư, nhà đầu tư và các cơ quan, tổ chức có liên quan; cơ chế phối hợp, kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Quy định điều khoản chuyển tiếp và tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm tính thống nhất, liên tục trong quá trình áp dụng pháp luật và xử lý các trường hợp đang thực hiện trước thời điểm Nghị quyết có hiệu lực.

5. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành

Nghị quyết là văn bản cụ thể hóa các cơ chế, chính sách đặc thù theo Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, trong đó có nhiều nội dung mới, vượt trội về cải cách thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

(1) Về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của dự án đầu tư công, dự án PPP, dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư: Đã giảm: 30-57% thời gian thẩm định, 20-40% nội dung thẩm định, 33-60% thời gian quyết định chủ trương đầu tư dự án.

Ngoài ra, đối với dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư đã bỏ 02 đối tượng không phải thực hiện thủ tục chủ trương đầu tư: (1) *Các dự án không phải là Dự án lớn, quan trọng, đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và nghĩa vụ tài chính về đất, đã có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, Nhà đầu tư thứ cấp không phải thực hiện thủ tục chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư; pháp lý của dự án đầu tư và hợp đồng đã ký kết giữa nhà đầu tư cấp 1 và nhà đầu tư thứ cấp là căn cứ để thực hiện các thủ tục về đất đai, xây dựng, xác định và thực hiện nghĩa vụ tài chính để đầu tư xây dựng theo quy hoạch đã được phê duyệt;* (2) *Các dự án lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.*

(2) Về lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu trong trường hợp đặc biệt: được thực hiện đồng thời với quá trình chủ trương đầu tư dự án và giám nội dung thẩm định giúp giảm khoảng 40-60% thủ tục so với quy định hiện hành.

(3). Tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục xác định dự án cần triển khai ngay:

Để không phát sinh thêm thủ tục hành chính, việc xác định dự án cần triển khai ngay Để không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính, việc xác định dự án cần triển khai ngay được thực hiện đồng thời trong quá trình lập, thẩm định chủ trương đầu tư hoặc sau khi dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư công.

Nghị quyết đồng thời quy định trình tự, thủ tục thẩm định, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án của nhà đầu tư chiến lược và dự án cần triển khai ngay; việc thẩm định được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định của Thành phố nhằm bảo đảm tính khách quan, chặt chẽ, toàn diện và nâng cao chất lượng thẩm định.

Để bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm tham gia nghiên cứu, đề xuất thực hiện dự án, đồng thời tăng cường sự giám sát của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân, Nghị quyết quy định việc công bố thông tin sơ bộ về dự án trong quá trình tổ chức xem xét, quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư./.

VII. NGHỊ QUYẾT SỐ 46/2026/NQ-HĐND NGÀY 15/6/2026 CỦA HĐND THÀNH PHỐ.

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết số 46/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về thu hút nhà đầu tư chiến lược trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 8 Điều 26 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

2. Cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn xây dựng Nghị quyết

a) Cơ sở chính trị, pháp lý đề xuất xây dựng Nghị quyết:

Thực hiện quy định tại Luật Thủ đô năm 2024, Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 09/7/2025 quy định về thu hút nhà đầu tư chiến lược (thực hiện khoản 1, khoản 2 Điều 42 Luật Thủ đô năm 2024). Đến ngày 01/7/2026, Luật Thủ đô năm 2024 hết hiệu lực thi hành. Do đó, cần rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thi hành Luật Thủ đô năm 2024 để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 (Luật Thủ đô năm 2026) được Quốc hội thông qua ngày 23/4/2026 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 là văn bản pháp lý quan trọng, có ý nghĩa đặc biệt với Thành phố, quy định các cơ chế, chính sách đặc thù, phân

quyền mạnh mẽ cho chính quyền Thành phố trên các lĩnh vực quản lý. Trong đó, Luật Thủ đô năm 2026 có quy định về thu hút nhà đầu tư chiến lược trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, khác với Luật Thủ đô năm 2024, Luật Thủ đô năm 2026 không quy định chi tiết về nhà đầu tư chiến lược mà giao Hội đồng nhân dân thành phố quy định chi tiết danh mục lĩnh vực, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược; tiêu chí, điều kiện nhà đầu tư chiến lược; ưu đãi, hỗ trợ nhà đầu tư chiến lược (tiền thuê đất, thuê mặt nước); trường hợp nhà đầu tư chiến lược không được hưởng ưu đãi do không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân, các điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược và không thực hiện đúng cam kết với Thành phố; trách nhiệm bồi thường các khoản đã được nhận ưu đãi. Cụ thể, tại điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 8 Điều 26 Luật Thủ đô quy định như sau:

- Điểm a khoản 5 Điều 26 Luật Thủ đô quy định: *“a) Miễn hoặc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố”*.

- Điểm a, b khoản 8 Điều 26 Luật Thủ đô quy định: Hội đồng nhân dân Thành phố quy định: *“a) Danh mục lĩnh vực, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược của Thủ đô; tiêu chí, điều kiện nhà đầu tư chiến lược; b) Trường hợp nhà đầu tư chiến lược không được hưởng ưu đãi do không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân, các điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược và không thực hiện đúng cam kết với Thành phố; trách nhiệm bồi thường các khoản đã được nhận ưu đãi”*.

Ngoài ra, tại điểm d khoản 5 Điều 26 Luật Thủ đô quy định: *“Ưu đãi, hỗ trợ khác do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định để đáp ứng yêu cầu cấp thiết trong thu hút nhà đầu tư chiến lược”*.

Kể từ ngày Luật Thủ đô năm 2026 có hiệu lực, quy định về thu hút nhà đầu tư chiến lược tại Luật Thủ đô năm 2024 cũng hết hiệu lực. Do đó, cần rà soát, xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố về thu hút nhà đầu tư chiến lược để có cơ sở pháp lý triển khai thực hiện theo quy định tại Luật Thủ đô năm 2026, đảm bảo không sinh khoảng trống pháp lý và không gây gián đoạn trong quá trình xác định các lĩnh vực, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược cũng như ưu đãi đối với nhà đầu tư chiến lược.

Ngoài ra, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới. Trong đó, Bộ Chính trị đã có các quan điểm chỉ đạo và đặt ra các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu cho Thủ đô với tầm nhìn dài hạn 100 năm. Đồng thời, Hội đồng nhân dân Thành phố đã thông qua Nghị quyết số 03/NQ-HĐND về quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm. Đồng thời, Bộ Chính trị cũng chỉ đạo về phát triển một số ngành, lĩnh vực của Việt Nam như: Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam; Nghị quyết 57-NQ/TW ngày

22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân... Các Nghị quyết này là cơ sở để xây dựng các chính sách về thu hút đầu tư trong các ngành, lĩnh vực văn hóa, khoa học công nghệ... của Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng.

Để thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị và Hội đồng nhân dân Thành phố tại các Nghị quyết nêu trên, cần thiết phải rà soát các lĩnh vực, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược của Thủ đô; đồng thời, cần có chính sách thu hút đầu tư để đạt được mục tiêu phát triển của Thủ đô trong kỷ nguyên mới. Do vậy, việc cụ thể hóa chỉ đạo của Đảng, các quy định tại Luật Thủ đô năm 2026 là hết sức cần thiết nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của Thủ đô, hiện thực hóa mục tiêu phát triển dài hạn của Thủ đô.

Để có cơ sở triển khai thực hiện sau khi Luật Thủ đô có hiệu lực thi hành thì Thành phố cần có quy định chi tiết điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 8 Điều 26 Luật Thủ đô về thu hút nhà đầu tư chiến lược vào hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố. Vì vậy, HĐND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-HĐND ngày 29/4/2026, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 01/5/2026 tổ chức thi hành Luật Thủ đô (điều chỉnh tại văn bản số 2131/UBND-NC ngày 17/5/2026 của UBND Thành phố), trong đó có nội dung về xây dựng Nghị quyết nêu trên.

b) Cơ sở thực tiễn:

Thủ đô Hà Nội đang đứng trước yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư ngày càng gay gắt. Luật Thủ đô năm 2026 đã mở ra những cơ chế đặc thù, vượt trội cho Hà Nội, trong đó có quy định về thu hút nhà đầu tư chiến lược đã giao quyền chủ động tối đa cho Thành phố trong việc thu hút nhà đầu tư chiến lược. Việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố để cụ thể hóa các quy định này là cần thiết trên cơ sở thực tiễn và yêu cầu phát triển của Thủ đô, cụ thể như sau:

- Phát huy tối đa tiềm năng và lợi thế của Thủ đô: Hà Nội cần thu hút nguồn lực lớn từ các nhà đầu tư có năng lực để phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, hạ tầng kỹ thuật hiện đại, phát triển công nghiệp chiến lược và hạ tầng số hiện đại, giải quyết các vấn đề cấp bách của đô thị.

- Luật Thủ đô năm 2026 là khung pháp lý quan trọng, nhưng để đi vào thực tiễn, cần có các quy định chi tiết về danh mục, tiêu chí nhà đầu tư chiến lược và cơ

chế ưu đãi. Nghị quyết này sẽ là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý nhà nước tại Hà Nội và các nhà đầu tư trong và ngoài nước triển khai thực hiện.

- Tạo môi trường đầu tư hấp dẫn và minh bạch: Việc ban hành các tiêu chí và điều kiện rõ ràng sẽ giúp nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận thông tin, giảm thiểu rủi ro pháp lý và tăng tính minh bạch trong quá trình đầu tư. Đồng thời, tạo hành lang pháp lý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền tăng cường hậu kiểm trong quá trình triển khai thực hiện các dự án.

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Tập trung thu hút vào các ngành công nghệ cao, hạ tầng số, nông nghiệp công nghệ cao và phát triển R&D sẽ giúp Hà Nội chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững, hiện đại.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Nghị quyết số 46/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được ban hành nhằm hoàn thiện khung pháp lý về thu hút nhà đầu tư chiến lược trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trên cơ sở khung pháp lý quy định tại Nghị quyết số 46/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026, các nhà đầu tư trong và ngoài nước có cơ sở để đề xuất dự án ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược, đề xuất các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

Tác động của Nghị quyết: việc ban hành Nghị quyết số 46/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 sẽ giúp thu hút các nhà đầu tư lớn đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên thu hút đầu tư của Thành phố; thúc đẩy việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Thành phố, phù hợp với định hướng phát triển của Thành phố trong thời kỳ mới.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết số 46/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội gồm 09 Điều quy định: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; danh mục lĩnh vực, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược trên địa bàn thành phố Hà Nội; tiêu chí, điều kiện của nhà đầu tư chiến lược trên địa bàn thành phố Hà Nội; ưu đãi, hỗ trợ nhà đầu tư chiến lược; trường hợp nhà đầu tư chiến lược không được hưởng ưu đãi và trách nhiệm bồi hoàn; tổ chức thực hiện; hiệu lực thi hành.

Nghị quyết cơ bản có 04 nội dung chính sau:

(i) Đề xuất danh mục gồm 17 lĩnh vực, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược trên địa bàn thành phố Hà Nội.

(ii) Xác định cụ thể điều kiện, tiêu chí của nhà đầu tư chiến lược bao gồm:

- Điều kiện về vốn chủ sở hữu và khả năng huy động vốn.
- Điều kiện về tiến độ giải ngân.

- Điều kiện về lòng ghép, tích hợp giải pháp công nghệ thông minh, chuyển đổi số toàn diện trong thiết kế, xây dựng và quản lý vận hành dự án, bảo đảm phù hợp với khung kiến trúc số của Thành phố.

- Cam kết bằng văn bản về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; về chuyển giao công nghệ, kết nối chia sẻ dữ liệu số hệ thống của dự án; về việc nội địa hóa; về thực hiện dự án đầu tư đúng mục tiêu theo danh mục lĩnh vực, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược của Thủ đô; về thực hiện dự án đúng tiến độ, đúng mục tiêu, đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy; về việc đáp ứng các quy định pháp luật có liên quan đến lĩnh vực, ngành, nghề đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam; về việc tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Điều kiện về thời gian chuyển nhượng dự án và điều kiện chuyển nhượng dự án.

(iii) Ưu đãi, hỗ trợ nhà đầu tư chiến lược: Cụ thể hóa quy định về việc miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với nhà đầu tư chiến lược. Đồng thời, trong quá trình xem xét đề xuất dự án, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định ưu đãi, hỗ trợ về tiếp cận đất đai; thủ tục đầu tư xây dựng; phát triển hạ tầng; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực; phát triển thị trường và các ưu đãi, hỗ trợ khác phù hợp để đáp ứng yêu cầu cấp thiết trong thu hút nhà đầu tư chiến lược.

(iv) Quy định về trường hợp nhà đầu tư chiến lược không được hưởng ưu đãi và trách nhiệm bồi hoàn của nhà đầu tư chiến lược.

5. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành

Nghị quyết số 46/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội có những điểm mới, đặc thù, vượt trội sau:

- Về danh mục lĩnh vực, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược: danh mục lĩnh vực, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược đã được mở rộng hơn so với Luật Thủ đô năm 2024 và Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND cụ thể: (i) Về lĩnh vực công nghệ cao: bổ sung thêm lĩnh vực công nghệ số trọng điểm, công nghệ chiến lược, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, công nghệ bức xạ và máy gia tốc; (ii) các lĩnh vực, ngành nghề khác: y tế, giáo dục, logistics, khu đô thị đa mục tiêu, thể thao, văn hóa, khu phức hợp giải trí, thoát nước, trụ sở tập đoàn quốc tế, hạ tầng khu thương mại tự do, khu kinh tế tự do. Danh mục mở rộng nhằm đáp ứng yêu cầu thu hút nhà đầu tư lớn vào các lĩnh vực ưu tiên đầu tư của Thành phố trong giai đoạn tới.

- Về tiêu chí, điều kiện: ngoài quy định về điều kiện vốn chủ sở hữu, tiến độ giải ngân tương tự như thu hút nhà đầu tư chiến lược tại thành phố Hồ Chí Minh, cam kết về môi trường và chuyển giao công nghệ như quy định tại Luật Đầu thầu. Nghị quyết đã bổ sung các cam kết chặt chẽ hơn với nhà đầu tư chiến lược như: cam kết về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, về kết nối cơ sở dữ liệu, về tiến độ, về tuân thủ quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ, các pháp luật của Việt Nam và các điều ước quốc tế. Các quy định bổ sung này nhằm xác định các nhà đầu tư thực sự cam kết đồng hành cùng Thành phố trong việc thực hiện các dự án lớn, quan trọng của Thủ đô.

- Về ưu đãi, hỗ trợ: Nghị quyết đã rà soát và xây dựng nguyên tắc và khung ưu đãi. Trong đó, nguyên tắc tại Nghị quyết đã xác định: Dự án đầu tư đáp ứng điều kiện hưởng các mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau trong cùng một thời gian thì nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ cao nhất (trong đó có cả ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Luật Thủ đô năm 2026). Nguyên tắc này thống nhất với quy định về ưu đãi đầu tư tại Luật Đầu tư và Nghị định số 96/2026/NĐ-CP. Đồng thời, trên cơ sở rà soát quy định pháp luật về đất đai, Nghị quyết đã xác định cụ thể các lĩnh vực được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước (đây là mức ưu đãi cao nhất về thuê đất, thuê mặt nước).

Đồng thời, Nghị quyết cũng quy định: *“Trong quá trình xem xét đề xuất dự án, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định ưu đãi, hỗ trợ về tiếp cận đất đai; thủ tục đầu tư xây dựng; phát triển hạ tầng; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực; phát triển thị trường và các ưu đãi, hỗ trợ khác phù hợp để đáp ứng yêu cầu cấp thiết trong thu hút nhà đầu tư chiến lược”* để đảm bảo tính linh hoạt trong thu hút nhà đầu tư chiến lược và phù hợp với quy định tại điểm d khoản 5 Điều 26 Luật Thủ đô.

- Về thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và cơ chế giám sát, thu hồi ưu đãi: Nghị quyết đã có các quy định dẫn chiếu về việc thực hiện ưu đãi, hỗ trợ và cơ chế giám sát, thu hồi ưu đãi, hỗ trợ để tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các ưu đãi, hỗ trợ cho nhà đầu tư chiến lược.

VIII. NGHỊ QUYẾT SỐ 47/2026/NQ-HĐND NGÀY 15/6/2026 CỦA HĐND THÀNH PHỐ.

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết số 47/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về tiêu chí, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm c khoản 8 Điều 26 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

2. Cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn xây dựng Nghị quyết

a) Cơ sở pháp lý đề xuất xây dựng Nghị quyết:

Điểm c khoản 8 Điều 26 Luật Thủ đô quy định Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ theo khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 26 Luật Thủ đô và các ưu đãi, hỗ trợ khác theo khả năng ngân sách của Thành phố.

Theo đó, việc ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố về việc quy định tiêu chí, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ theo khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 26 Luật Thủ đô và các ưu đãi, hỗ trợ khác theo khả năng ngân sách của Thành phố là cần thiết, phù hợp với thực tiễn, yếu tố đặc thù của nền kinh tế - xã hội; cụ thể hóa các quy định của Luật Thủ đô, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất trong hệ thống pháp luật; đồng thời tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để triển khai nhiệm vụ thu hút đầu tư trên địa bàn Thủ đô.

b) Cơ sở thực tiễn

Luật Thủ đô giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cụ thể tiêu chí, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 26. Tuy nhiên, các quy định của Luật mới dừng ở mức nguyên tắc, khung chính sách. Để bảo đảm có cơ sở triển khai thống nhất, đồng bộ và khả thi trên thực tế, cần thiết phải ban hành Nghị quyết quy định chi tiết nội dung này.

Thành phố đang định hướng phát triển mạnh các lĩnh vực công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, công nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế chất lượng cao, bảo vệ môi trường, phát triển hạ tầng đô thị (đặc biệt là bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe cao tầng). Trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư giữa các địa phương ngày càng lớn, việc cụ thể hóa chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo hướng minh bạch, rõ ràng, có tính cạnh tranh là hết sức cần thiết nhằm thu hút nhà đầu tư chiến lược và các dự án có chất lượng.

Thực tế cho thấy một số cơ chế ưu đãi còn thiếu tiêu chí cụ thể để xác định đối tượng áp dụng, chưa quy định rõ trình tự, thủ tục thực hiện, dẫn đến khó khăn trong quá trình thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện. Đồng thời, việc chưa có quy định chi tiết cũng gây lúng túng trong công tác kiểm tra, giám sát và xử lý trường hợp nhà đầu tư không thực hiện đúng cam kết.

Việc ban hành Nghị quyết nhằm quy định rõ điều kiện, tiêu chí, phạm vi, mức hỗ trợ phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố; đồng thời thiết lập cơ chế giám sát, thu hồi ưu đãi khi vi phạm, bảo đảm chính sách được thực hiện công khai, minh bạch, đúng đối tượng, tránh trục lợi.

Từ các căn cứ nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết điểm c khoản 8 Điều 26 Luật Thủ đô là cần thiết, phù hợp yêu cầu phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới và bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa đầy đủ và kịp thời các quy định tại Điều 26 Luật Thủ đô về tiêu chí, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này và các ưu đãi, hỗ trợ khác theo khả năng ngân sách của Thành phố. Nghị quyết là công cụ pháp lý quan trọng để bảo đảm việc thực hiện ưu đãi, hỗ trợ được triển khai thống nhất, đồng bộ.

Nghị quyết góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thông qua việc đơn giản hóa tiêu chí, điều kiện và quy trình thực hiện ưu đãi, hỗ trợ; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho nhà đầu tư, doanh nghiệp. Qua đó, tăng khả năng thu hút đầu tư, đặc biệt là các dự án hạ tầng đô thị, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của Thủ đô.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 04 Chương, 18 điều; trong đó Chương I gồm 03 điều, Chương II gồm 06 điều, Chương III gồm 05 điều, Chương IV gồm 03 điều; cụ thể:

- Chương I. Quy định chung (gồm 03 điều), quy định về: Phạm vi điều chỉnh, Đối tượng áp dụng và Nguyên tắc chung.

- Chương II. Tiêu chí, điều kiện thực hiện ưu đãi (gồm 07 điều), quy định về: Tiêu chí, điều kiện hưởng ưu đãi đối với dự án quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Thủ đô; Tiêu chí, điều kiện hưởng ưu đãi đối với dự án trợ giúp xã hội, cai nghiện ma túy theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật Thủ đô; Điều kiện hưởng ưu đãi đối với dự án bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe cao tầng theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Luật Thủ đô; Tiêu chí, điều kiện hưởng ưu đãi đối với nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Thủ đô; Tiêu chí, điều kiện hưởng ưu đãi đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Luật Thủ đô; Tiêu chí, điều kiện hưởng ưu đãi đối với cá nhân tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 7 Điều 26 Luật Thủ đô; Quy định về thực hiện ưu đãi, hỗ trợ.

- Chương III. Hồ sơ, trình tự, thủ tục xác nhận đối tượng hưởng ưu đãi, hỗ trợ (gồm 05 điều), quy định về: Hồ sơ đề nghị hưởng ưu đãi, hỗ trợ; Trình tự thực hiện; Cơ quan chủ trì thẩm định; Chế độ báo cáo; Thu hồi ưu đãi, hỗ trợ.

- Chương IV. Điều khoản thi hành (gồm 03 điều), quy định về: Điều khoản chuyển tiếp; Tổ chức thực hiện và Điều khoản thi hành.

5. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành

Nghị quyết số 47/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội không quy định mức ưu đãi, hỗ trợ mới và không làm thay đổi nội dung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đã được quy định tại Điều 26 Luật Thủ đô. Tuy nhiên, điểm mới và giá trị cốt lõi của Nghị quyết là thiết lập một cơ chế thực

thi thống nhất, minh bạch và khả thi để các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Luật Thủ đô được triển khai hiệu quả trên thực tế.

So với hiện nay, các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp có nhu cầu tiếp cận chính sách ưu đãi, hỗ trợ thường phải tự xác định cơ quan có thẩm quyền, thực hiện liên hệ với nhiều cơ quan khác nhau và chưa có quy trình thống nhất về thành phần hồ sơ, trình tự xử lý, cơ chế phối hợp và thời hạn giải quyết. Điều này làm gia tăng chi phí giao dịch, kéo dài thời gian tiếp cận chính sách và ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ.

Nghị quyết khắc phục các hạn chế nêu trên thông qua việc chuẩn hóa tiêu chí, điều kiện xác định đối tượng được hưởng ưu đãi, hỗ trợ; thiết lập một đầu mối tiếp nhận hồ sơ tập trung; thực hiện giải quyết theo phương thức trực tuyến và liên thông; quy định rõ trách nhiệm, thời hạn xử lý của từng cơ quan; đồng thời áp dụng cơ chế phối hợp có tính ràng buộc về thời gian trong quá trình thẩm định, xác nhận đối tượng được hưởng chính sách.

Như vậy, giá trị vượt trội của Nghị quyết không ở việc bổ sung thêm ưu đãi mà ở việc nâng cao khả năng tiếp cận các ưu đãi đã được Luật Thủ đô quy định. Nghị quyết tạo ra sự chuyển biến từ cơ chế quản lý phân tán sang cơ chế quản lý tập trung, từ quy trình xử lý thiếu thống nhất sang quy trình xử lý chuẩn hóa, từ việc doanh nghiệp phải chủ động làm việc với nhiều cơ quan sang cơ chế cơ quan nhà nước chủ động phối hợp giải quyết theo quy trình liên thông.

Việc ban hành Nghị quyết là điều kiện quan trọng để các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Luật Thủ đô thực sự đi vào cuộc sống, bảo đảm doanh nghiệp, nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân có thể tiếp cận chính sách thuận lợi hơn, nhanh hơn, minh bạch hơn và với chi phí tuân thủ thấp hơn. Đồng thời, Nghị quyết cũng tạo cơ sở để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường trách nhiệm giải trình, kiểm soát việc áp dụng chính sách đúng đối tượng, đúng mục tiêu và hạn chế nguy cơ lợi dụng, trục lợi chính sách.

IX. NGHỊ QUYẾT SỐ 48/2026/NQ-HĐND NGÀY 15/6/2026 CỦA HĐND THÀNH PHỐ.

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết số 48/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định về hỗ trợ doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm d khoản 8 Điều 26 Luật Thủ đô số 02/2026/QH15).

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

- Tại điểm d khoản 8 Điều 26, Luật Thủ đô quy định HĐND Thành phố quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn Thành phố theo ngành, nghề kinh doanh; theo mức đóng góp thuế, phí và các

khoản nộp ngân sách nhà nước khác; kết quả tạo việc làm; việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-HĐND ngày 29/4/2026 triển khai thi hành Luật Thủ đô giao nhiệm vụ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành Luật Thủ đô đến từng đơn vị, trong đó có nội dung về xây dựng Nghị quyết nêu trên.

- Trên thực tế, doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân ngày càng phát huy vai trò quan trọng đối với tăng trưởng và phát triển của Thành phố, trở thành lực lượng chủ lực, là động lực quan trọng, góp phần tăng thu ngân sách Nhà nước, tạo việc làm. Tuy nhiên, doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng đang gặp nhiều khó khăn, cần có những chính sách hỗ trợ đặc thù, phù hợp với nhóm đối tượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học – công nghệ, giáo dục, y tế, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý, các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 được Quốc hội thông qua ngày 23/4/2026.

- Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn Thành phố theo ngành, nghề kinh doanh; theo mức đóng góp thuế, phí và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác; kết quả tạo việc làm; việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp theo quy định tại điểm d khoản 8 Điều 26 của Luật Thủ đô, đảm bảo các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân kịp thời, hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế-xã hội. Các chính sách hỗ trợ phù hợp với các quy định của Luật Thủ đô, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/8/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân và các quy định khác có liên quan, Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/8/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

- Các chính sách hỗ trợ gồm hỗ trợ về mặt bằng sản xuất kinh doanh, hỗ trợ về vay vốn, hỗ trợ phát triển thị trường quốc tế là những chính sách các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân còn đang thiếu, yếu và cần tăng cường.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

- Về đối tượng:

Các doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội, bao gồm doanh nghiệp không có vốn Nhà nước hoặc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định; có ngành, nghề kinh doanh chính trong các lĩnh vực: công nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch; giáo dục – đào tạo; y tế; logistics; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và đáp ứng điều kiện đóng góp thuế, phí nộp ngân sách nhà nước; kết quả tạo việc làm và trách nhiệm xã hội theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết được xem xét hỗ trợ.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ về mặt bằng sản xuất kinh doanh: Các doanh nghiệp được hỗ trợ giảm tiền thuê, thuê lại đất đã đầu tư hạ tầng trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ như các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Hỗ trợ về vay vốn: Doanh nghiệp đáp ứng điều kiện vay vốn của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội theo quy định được hưởng mức lãi suất ưu đãi vay vốn từ Quỹ bằng lãi suất tối thiểu do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành để đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ mới, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và tín dụng xuất khẩu, tín dụng theo chuỗi cung ứng, các dự án xanh, tuần hoàn, áp dụng khung tiêu chí về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG).

+ Hỗ trợ phát triển thị trường quốc tế: Hỗ trợ 70% kinh phí tham gia chương trình đào tạo tập huấn tại nước ngoài về thị trường quốc tế, kết nối với các doanh nghiệp lớn quốc tế để tiếp cận thị trường, nguồn vốn và công nghệ quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp/năm; Hỗ trợ 70% kinh phí thuê địa điểm, thiết kế, dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày cho doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại tại thị trường quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp/năm.

Trường hợp doanh nghiệp đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn một mức hỗ trợ.

5. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành:

- Đối với hỗ trợ về mặt bằng sản xuất kinh doanh: Điều 4 Nghị định 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ chỉ hỗ trợ cho đối tượng là DN công nghệ cao, DN nhỏ và vừa, DN khởi nghiệp sáng tạo. Tại Nghị quyết số 48/2026/NQ-HĐND đã mở rộng đối tượng hỗ trợ cho các doanh nghiệp đáp ứng điều kiện tại Điều 3 của Nghị quyết.

- Đối với hỗ trợ về vay vốn: Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị yêu cầu hoàn thiện cơ chế, chính sách để ưu tiên một phần nguồn tín dụng thương mại cho doanh nghiệp tư nhân vay để đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ mới, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và tín dụng xuất khẩu, tín dụng theo chuỗi cung ứng. Nghị quyết đã quy định cụ thể chính sách cho vay với lãi suất lãi suất ưu đãi tại Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố.

- Đối với hỗ trợ phát triển thị trường quốc tế: Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ chỉ áp dụng đối với đối tượng là DNNVV. Nghị quyết đã quy định mở rộng đối tượng hỗ trợ cho các doanh nghiệp đáp ứng Điều 3 Nghị quyết này và đề xuất tăng mức hỗ trợ lên 70% nhưng tổng kinh phí hỗ trợ cho 01 DN không thay đổi so với NĐ80 (100 triệu đồng/DN/năm).

X. NGHỊ QUYẾT SỐ 49/2026/NQ-HĐND NGÀY 15/6/2026 CỦA HĐND THÀNH PHỐ.

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết số 49/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định danh mục doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ cổ phần, vốn góp và thực hiện đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; cơ chế chi trả tiền lương, thù lao đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

2.1. Cơ sở pháp lý:

- Khoản 9 Điều 26 Luật Thủ đô: *“Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố:*

a) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định danh mục doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ cổ phần, vốn góp và thực hiện đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; quy định cơ chế chi trả tiền lương, thù lao đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo danh mục do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định; nguồn vốn đầu tư bao gồm ngân sách địa phương và lợi nhuận sau thuế được để lại để tái đầu tư, phát triển doanh nghiệp; mức chi trả tiền lương, thù lao dựa trên kết quả đánh giá chỉ số hiệu quả kinh doanh, năng suất lao động và bảo toàn vốn của doanh nghiệp”.

- Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh

ng nghiệp nhà nước.

- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước, Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới.

2.2. Cơ sở thực tiễn:

- Từ thực trạng doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội: Đến ngày 01/3/2026, UBND Thành phố là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại 55 doanh nghiệp, với tổng vốn điều lệ là 30.475,8 tỷ đồng, trong đó vốn nhà nước 35.172,6 tỷ đồng. Mặc dù đạt được kết quả kinh doanh tăng trưởng liên tục, tuy nhiên hệ thống doanh nghiệp nhà nước của Thành phố còn nhiều hạn chế và bất cập căn bản như: Quy mô nhỏ, nguồn lực bị phân tán, chưa tối ưu hiệu quả; Không đáp ứng vai trò tiên phong dẫn dắt; Năng lực quản trị, công nghệ còn hạn chế; Tiến độ sắp xếp giai đoạn 2021 - 2025 còn chậm.

- Mục tiêu định hướng đầu tư phát triển doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội theo các Chương trình, Nghị quyết của Thành phố nêu trên và đặc thù yếu tố vị trí địa lý, văn hóa, lịch sử của Thủ đô: việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề nhằm thực hiện mục tiêu định hướng phát triển kinh tế Thủ đô theo Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới (nếu thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì cần sự chấp thuận chủ trương của Thủ tướng Chính phủ như đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng hạ tầng, đô thị, vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt,...) Việc xây dựng Nghị quyết triển khai khoản 9 Điều 26 Luật Thủ đô cho phép Thành phố chủ động hơn trong quyền quyết định đầu tư vốn tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực, quy mô, tỷ lệ vốn nhà nước tham gia; đồng thời nâng cao trách nhiệm của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội đối với việc quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đã đầu tư, nâng cao hiệu quả, hiệu suất đầu tư vốn, đảm bảo các mục tiêu an sinh xã hội, ổn định và các mục tiêu định hướng, phát triển Thủ đô trong kỷ nguyên mới theo chỉ đạo của Bộ Chính trị

- Việc áp dụng cơ chế tiền lương mang tính đặc thù, gắn với hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, năng suất lao động và kết quả bảo toàn, phát triển vốn nhà nước là yêu cầu thực tiễn nhằm nâng cao trách nhiệm cá nhân, khuyến khích đổi mới quản trị và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia quản lý doanh nghiệp nhà nước. Đây cũng là định hướng được xác lập tại Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 248/2025/NĐ-CP của Chính phủ theo hướng tiền lương phải bảo đảm tính cạnh tranh, gắn với kết quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả quản lý vốn nhà nước.

Về cơ chế thù lao đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp có vốn nhà nước dưới 50% vốn điều lệ: Thực tiễn có một số người đại diện phần vốn chưa được hưởng mức thù lao, trong khi đó, họ phải thực hiện nhiều nhiệm vụ quan trọng như tham gia quản trị doanh nghiệp, bảo vệ quyền và lợi ích của chủ sở hữu nhà nước, giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, thực hiện chế độ báo cáo và chịu trách nhiệm trước cơ quan cử đại diện về hiệu quả quản lý phần vốn được giao. Do đó, việc quy định cơ chế thù lao đối với người đại diện phần vốn nhà nước là cần thiết nhằm bảo đảm tương xứng giữa quyền hạn, trách nhiệm và lợi ích, góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình, tăng cường hiệu quả quản trị doanh nghiệp theo các nguyên tắc quản trị hiện đại và bảo đảm quản lý, sử dụng hiệu quả vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết:

3.1. Mục đích của Nghị quyết:

Việc ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố triển khai thực hiện khoản 9 Điều 26 Luật Thủ đô.

- Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời quy định tại khoản 9 Điều 26 của Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 về thẩm quyền của: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ để thành phố Hà Nội thực hiện quyền chủ động trong quản lý, đầu tư và cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp; bảo đảm phù hợp với chủ trương đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, yêu cầu phân cấp, phân quyền và cơ chế đặc thù của Thủ đô.

- Xác định rõ định hướng nắm giữ vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo từng nhóm ngành, lĩnh vực; tập trung nguồn lực nhà nước vào các lĩnh vực thiết yếu, hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, dịch vụ công ích thiết yếu, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển xanh và lĩnh vực có vai trò dẫn dắt, tạo động lực phát triển Thủ đô.

- Quy định nguồn vốn, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp nhằm nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước; đồng thời tháo gỡ rút ngắn quy trình thủ tục trong quá trình triển khai thực hiện pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố phải được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương trước khi thực hiện đầu tư vốn nhà nước: đối với trường hợp đặc thù, cần thiết phải đầu tư theo định hướng mục tiêu chiến lược của Thành phố trong từng thời kỳ nhưng không thuộc Tiêu chí phân loại doanh nghiệp của Thủ tướng Chính phủ hoặc nguồn ngân sách Thành phố có giá trị tương ứng dự án quan trọng quốc gia, lợi nhuận sau thuế được để lại. Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước; phát huy vai trò dẫn dắt, điều tiết và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của khu vực doanh nghiệp nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của Thủ đô Hà Nội trong giai đoạn mới.

- Thực hiện cơ chế đặc thù về tiền lương, thù lao cho người đại diện vốn, kiểm soát viên, khuyến khích tạo động lực đổi mới, sáng tạo, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2. Ý nghĩa của Nghị quyết:

- Nghị quyết góp phần tăng tính chủ động, linh hoạt cho Thành phố trong sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả hoạt động, khả năng cạnh tranh và trách nhiệm của người đại diện vốn nhà nước; đồng thời bảo đảm duy trì vai trò của Nhà nước trong các lĩnh vực công ích thiết yếu, lĩnh vực chiến lược và các động lực tăng trưởng mới của Thủ đô theo mục tiêu, định hướng từng thời kỳ.

- Chính sách tiền lương, thù lao đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước không đơn thuần là chính sách thu nhập mà là công cụ nâng cao hiệu quả quản trị vốn nhà nước. Khi được hưởng chế độ đãi ngộ tương xứng, Nhà nước có điều kiện lựa chọn và duy trì đội ngũ đại diện vốn chuyên nghiệp, có năng lực, có trách nhiệm và gắn bó lâu dài thực hiện nhiệm vụ được giao. Kết quả cuối cùng là nâng cao hiệu quả bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, tăng giá trị doanh nghiệp, tăng nguồn thu cho ngân sách và giảm thiểu các rủi ro trong quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3.3. Tác động của Nghị quyết:

a) Tác động về kinh tế

*** Tác động tích cực**

- Việc ban hành Nghị quyết tạo cơ sở để Thành phố: chủ động điều chỉnh cơ cấu doanh nghiệp nhà nước theo hướng tập trung vào các lĩnh vực thiết yếu và chiến lược như: nước sạch, môi trường đô thị, giao thông công cộng, đường sắt đô thị, hạ tầng đô thị, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng đô thị...; xây dựng mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng đặc thù đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc UBND Thành phố.

- Chính sách góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước thông qua việc: Tập trung đầu tư vào doanh nghiệp có vai trò dẫn dắt, tạo động lực tăng trưởng mới; duy trì doanh nghiệp Nhà nước trong các lĩnh vực công ích thiết yếu còn góp phần ổn định thị trường, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao chất lượng dịch vụ đô thị; Tinh gọn đầu mối, giảm chi phí quản lý thông qua sáp nhập và cơ cấu lại doanh nghiệp; Tăng tính chủ động của Thành phố trong quyết định đầu tư vốn nhà nước, rút ngắn thời gian xử lý thủ tục hành chính; Góp phần nâng cao trách nhiệm đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp khi quản lý, điều hành và giám sát doanh nghiệp.

- Là cơ sở để tinh gọn đầu mối, giảm chi phí quản lý thông qua sáp nhập và cơ cấu lại doanh nghiệp.

*** Tác động tiêu cực**

- Việc cơ cấu lại doanh nghiệp, thoái vốn, sáp nhập có thể phát sinh chi phí tổ chức thực hiện; chi phí xử lý tài chính, lao động, tài sản và các nghĩa vụ liên quan. Một số doanh nghiệp phải điều chỉnh mô hình hoạt động, sắp xếp lại nhân sự và thay đổi phương thức quản trị. Tuy nhiên, các tác động này mang tính ngắn hạn và được kiểm soát thông qua lộ trình triển khai phù hợp, bảo đảm ổn định hoạt động của doanh nghiệp và quyền lợi của người lao động.

- Việc nâng mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp có thể phát sinh tăng chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, các tác động này được kiểm soát thông qua lộ trình triển khai phù hợp, bảo đảm ổn định hoạt động của doanh nghiệp, và đây cũng chỉ là mức tối đa cho phép, khi doanh nghiệp quyết định chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng còn phụ thuộc vào các yếu tố tài chính liên quan như vốn, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, năng suất lao động, khả năng chi trả của doanh nghiệp.

b) Đánh giá tác động về xã hội

- Nghị quyết góp phần bảo đảm duy trì ổn định các dịch vụ công ích thiết yếu phục vụ người dân Thủ đô như cấp nước sạch, thoát nước, môi trường, vận tải hành khách công cộng và quản lý hạ tầng đô thị.

- Việc tập trung đầu tư vào các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, công nghệ cao, chuyển đổi số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, tạo việc làm chất lượng cao và nâng cao năng lực cạnh tranh của Thủ đô.

- Nghị quyết góp phần bảo đảm quyền lợi đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhưng cũng gắn với trách nhiệm quản lý điều hành giám sát.

Đồng thời, việc nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước sẽ góp phần sử dụng hiệu quả nguồn lực công, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Nghị quyết quy định cụ thể thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, qua đó: Rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ; Giảm tầng nấc trung gian trong quá trình quyết định đầu tư vốn; Tăng tính chủ động cho UBND Thành phố, Sở ban ngành và doanh nghiệp; Việc quy định rõ trách nhiệm của Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan sẽ góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp và minh bạch trong quá trình xử lý thủ tục; Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tham mưu và người đại diện phần vốn nhà nước.

d) Tác động đối với ngân sách nhà nước

- Về hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp: Việc đầu tư vốn nhà nước được thực hiện trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương, các quỹ và các nguồn

vốn hợp pháp khác theo quy định. Về lâu dài, việc cơ cấu lại doanh nghiệp, thoái vốn tại các doanh nghiệp không cần Nhà nước nắm giữ sẽ góp phần tăng hiệu quả sử dụng vốn nhà nước, tăng nguồn thu cho ngân sách và giảm các doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả.

- Về cơ chế thù lao của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố: được đảm bảo từ nguồn ngân sách và giảm dần theo lộ trình thoái vốn.

e) Tác động đối với doanh nghiệp

* Tác động tích cực:

- Tạo cơ chế pháp lý rõ ràng cho doanh nghiệp có vốn nhà nước hoạt động ổn định, minh bạch; Nâng cao tính chủ động trong huy động, sử dụng và bổ sung vốn; Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tập trung nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực trọng tâm, chiến lược; Nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước.

- Quy định cơ chế chi trả tiền lương, thù lao đặc thù của Thành phố góp phần nâng cao hiệu quả Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và trách nhiệm người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

* Tác động tiêu cực

- Một số doanh nghiệp thuộc diện sáp nhập, thoái vốn hoặc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu sẽ phải điều chỉnh mô hình quản trị, tổ chức bộ máy và chiến lược hoạt động. Tuy nhiên, việc sắp xếp được thực hiện theo lộ trình phù hợp, bảo đảm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và tuân thủ quy định pháp luật.

- Với chính sách tiền lương, thù lao đặc thù tại Nghị quyết có thể làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tuy nhiên đây là mức tiền lương tối đa, khi doanh nghiệp chi trả còn phụ thuộc vào các chỉ tiêu tài chính, tốc độ tăng lợi nhuận, tốc độ tăng năng xuất lao động.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

Nghị quyết nhằm cụ thể hóa thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố quy định tại khoản 9 Điều 26 Luật Thủ đô, cụ thể quy định:

- Về cơ cấu lại vốn nhà nước và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định: lĩnh vực và các nội dung liên quan làm cơ sở ban hành Nghị quyết quy định danh mục chi tiết doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ cổ phần, vốn góp; quy trình thủ tục, trách nhiệm trong việc đầu tư vốn nhà nước từ nguồn ngân sách Thành phố và lợi nhuận sau thuế được để lại.

- Về cơ chế tiền lương, thù lao của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định: mức tiền lương cơ bản tối đa đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, kiểm soát viên; thù lao của người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Nhà nước

nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ.

- Tổ chức thực hiện: quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, thanh tra, giải trình, báo cáo và hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026 (riêng cơ chế tiền lương, thù lao có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027).

5. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành:

Nghị quyết nhằm cụ thể hóa thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố quy định tại khoản 9 Điều 26 Luật Thủ đô. Cụ thể:

a) Về cơ cấu lại vốn nhà nước và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

(1) HĐND Thành phố quy định danh mục doanh nghiệp nắm giữ cổ phần, vốn góp phù hợp với đặc thù và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố (*không phụ thuộc vào phạm vi đầu tư và tiêu chí phân loại doanh nghiệp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ*). Trên cơ sở quy định danh mục lĩnh vực ngành nghề tại Nghị quyết và phương án sắp xếp lại doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền thông qua, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết Danh mục chi tiết doanh nghiệp làm cơ sở thực hiện đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

(2) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư vốn nhà nước từ nguồn ngân sách Thành phố có giá trị tương ứng với dự án quan trọng quốc gia theo quy định của Luật Đầu tư công và nguồn lợi nhuận sau thuế được để lại vào doanh nghiệp, trên cơ sở đó, thành phố Hà Nội sẽ chủ động trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ liên quan đến cơ cấu lại vốn nhà nước và việc quản lý đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. (*theo quy định hiện hành thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư thuộc Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định tùy loại nguồn vốn, quy mô vốn*).

b) Về cơ chế tiền lương, thù lao của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

(1) Điều chỉnh mức lương cơ bản của Thành viên Hội đồng, kiểm soát viên chuyên trách: tối đa bằng 1,8 lần so với quy định hiện hành;

(2) Phương pháp xác định mức lương tối đa: Nếu lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì mức lương tối đa được xác định theo nguyên tắc 1% lợi nhuận vượt so với kế hoạch, được tính thêm 2% mức tiền lương nhưng không quá 30% mức tiền lương tính trên cơ sở 02 lần mức lương cơ bản, tăng 10% so với quy định hiện hành (*hiện nay là không quá 20%*);

(3) Bổ sung cơ chế chi trả thù lao cho người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ từ nguồn ngân sách Thành phố nhằm đảm bảo quyền lợi gắn với trách nhiệm được UBND Thành phố giao: hiện tại không có quy định của pháp luật về việc trả lương, thù lao đối với đối tượng này./.

XI. NGHỊ QUYẾT SỐ 65/2026/NQ-HDND NGÀY 15/6/2026 CỦA HĐND THÀNH PHỐ.

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết số 65/2026/NQ-HDND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố quy định một số khoản thu từ việc khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp thuộc địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

1. Cơ sở pháp lý:

Ngày 23/4/2026, Quốc hội ban hành Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; trong đó tại điểm đ, khoản 3 Điều 11 về quản lý, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp quy định: *“Hội đồng nhân dân Thành phố quy định: Các khoản thu từ việc khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao”*.

2. Cơ sở thực tiễn:

2.1. Đối với không gian ngầm:

Những năm gần đây, do hạn chế về quỹ đất, nhu cầu về xây dựng công trình ngầm (giao thông ngầm, thương mại dịch vụ ngầm, bãi đỗ xe ngầm...) đang tăng mạnh do nhu cầu về phát triển đô thị, đặc biệt ở những đô thị lớn như thành phố Hà Nội. Hệ thống đường sắt đô thị được triển khai đòi hỏi phải sử dụng không gian ngầm để liên kết, kết hợp sử dụng không gian ngầm với không gian trên mặt đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đô thị.

Ngày 13/5/2026, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 2512/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm, trong đó quy định về quy hoạch không gian ngầm.

Việc ban hành Nghị quyết quy định một số khoản thu từ khai thác, sử dụng không gian ngầm là cần thiết, đáp ứng yêu cầu phát triển của Thủ đô trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Đối với không gian tầm thấp

Tại Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND Thành phố ban hành phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm quy định:

“* Không gian tầm thấp (dưới 3.000m):

+ Mặt đất: Không gian ưu tiên cho con người và hệ sinh thái tự nhiên. Phát triển hệ thống đi bộ an toàn, công viên, mặt nước và bảo tồn cấu trúc không gian di sản phố cổ, phố cũ.

+ Không gian trên cao: Phát triển các tổ hợp cao ốc mật độ cao tại các nút giao thông TOD và hành lang vành đai để tiết kiệm đất. Thiết lập hệ thống cầu đi bộ trên cao kết nối liên hoàn các công trình.

+ Kinh tế tầm thấp: Quy hoạch các vùng tiên phong khai thác giao thương, vận chuyển bằng taxi bay (eVTOL), thiết bị bay không người lái (drone) và giám sát đô thị thông minh”.

Để khai thác và phát huy hết các tiềm năng phát triển kinh tế tầm thấp theo quy hoạch tổng thể Thủ đô 100 năm, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định một số khoản thu từ khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp theo quy hoạch tổng thể Thủ đô 100 năm và chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển không gian ngầm, không gian tầm thấp.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

- Nghị quyết số 65/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố nhằm cụ thể hóa một số khoản thu từ khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp theo quy hoạch tổng thể Thủ đô 100 năm và chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển không gian ngầm, không gian tầm thấp.

- Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý để thành phố Hà Nội huy động hiệu quả nguồn lực tài chính từ việc khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết số 65/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố quy định cụ thể một số khoản thu từ khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, gồm:

- Khoản thu từ khai thác, sử dụng không gian ngầm: (1) Tiền thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm theo phân vùng độ sâu trong lòng đất (2) Khoản phí kết nối không gian ngầm.

- Khoản thu từ khai thác, sử dụng không gian tầm thấp: (1). Phí sử dụng không gian tầm thấp, (2). Khoản thu từ giá trị tăng thêm do khai thác không gian tầm thấp.

5. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành.

Các khoản thu từ việc khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp tại Nghị quyết số 65/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố cơ bản là các nội dung mới chưa được quy định cụ thể tại các pháp luật hiện hành.

- Tiền thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm theo phân vùng độ sâu trong lòng đất để khai thác hiệu quả không gian ngầm, đồng thời đảm bảo tính khuyến khích đầu tư trong phát triển công trình ngầm trên địa bàn Thành phố.

- Khoản phí kết nối không gian ngầm: Điều tiết đối với một số trường hợp phát sinh mới trên địa bàn Thành phố khi một số chủ đầu tư muốn kết nối đường giao thông ngầm từ các dự án bất động sản đến các bãi đỗ xe công cộng, ga đường

sắt đô thị (không bao gồm khu vực TOD) được nhà nước đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách.

XII. NGHỊ QUYẾT SỐ 67/2026/NQ-HĐND NGÀY 15/6/2026 CỦA HĐND THÀNH PHỐ.

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết số 67/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về các khoản thu từ việc khai thác giá trị tăng thêm trong khu vực TOD (Thực hiện điểm d khoản 2 Điều 12 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

2. Cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn xây dựng Nghị quyết

a) Cơ sở chính trị, pháp lý đề xuất xây dựng Nghị quyết:

- Việc xây dựng nghị quyết nhằm tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, mục tiêu tại Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về "*Xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới*" cũng như hiện thực hóa Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 ngày 23/4/2026, Kế hoạch số 09/KH-HĐND ngày 29/4/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về triển khai thi hành Luật Thủ đô năm 2026, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất và triển khai kịp thời các nội dung Hội đồng nhân dân Thành phố chỉ đạo, đưa Luật Thủ đô thực sự đi vào cuộc sống và tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

- Nghị quyết được đề xuất dựa trên quy định tại điểm d khoản 2 Điều 12 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 ngày 23/4/2026, Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền quy định: Các khoản thu đối với diện tích sàn xây dựng tăng thêm của các dự án xây dựng công trình dân dụng do việc tăng hệ số sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch, khoản thu từ việc khai thác giá trị tăng thêm từ đất, khoản thu từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương, phí cải thiện hạ tầng, phí kết nối giao thông công cộng và các khoản thu khác để phát triển hệ thống đường sắt địa phương và việc kết nối đồng bộ hạ tầng giao thông trong khu vực TOD.

b) Cơ sở thực tiễn:

Việc ban hành Nghị quyết để đảm bảo giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn khi đầu tư phát triển khu vực TOD, trong đó có nội dung về các khoản thu từ việc khai thác giá trị tăng thêm trong khu vực TDO theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 10 Luật Thủ đô. Qua đó, thể chế hóa tối đa sự phân cấp, phân quyền, tăng cường tính chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm để Hà Nội có thể điều hành linh hoạt trong lĩnh vực quy hoạch đô thị, khơi thông các nguồn lực tài chính, đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

- Thể chế hóa quan điểm chỉ đạo, chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về khai thác các giá trị tăng thêm có được khi phát triển Hệ thống đường sắt đô thị theo mô hình TOD và đảm bảo hài hòa lợi ích giữa nhà nước, tổ chức và cá nhân.

- Triển khai thực hiện hiệu quả quy định tại Luật Thủ đô, tạo nguồn lực bổ sung ngân sách.

- Quy định nguyên tắc xác định đối với các khoản thu, phí được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 12 Luật Thủ đô.

- Quy định việc ban hành trình tự, thủ tục thực hiện, quản lý và sử dụng tiền thu đối với các khoản thu được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 12 Luật Thủ đô

- Cụ thể hóa chính sách tài chính, tạo nguồn thu bền vững, tái đầu tư để tiếp tục phát triển khu vực TOD theo chủ trương của Đảng, Nhà nước nhằm giải quyết các bài toán các điểm nghẽn hiện trạng của Hà Nội về ùn tắc giao thông, trật tự đô thị, không gian phát triển, không gian đô thị mới chưa được tổ chức hợp lý nhằm phát triển ổn định kinh tế vĩ mô trên địa bàn Thành phố, phấn đấu đạt chỉ tiêu phát triển 2 con số, đáp ứng an toàn tài chính quốc gia, phù hợp theo quy luật thị trường.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết số 67/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố gồm 09 Điều quy định: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; các khoản thu, khoản phí trong khu vực TOD; tổ chức thực hiện; hiệu lực thi hành.

Nghị quyết cơ bản có 02 nội dung chính sau:

(1). Xác định Danh mục 04 khoản thu từ việc khai thác giá trị tăng thêm trong khu vực TOD, cụ thể:

a) Khoản thu đối với diện tích sàn xây dựng tăng thêm của các dự án xây dựng công trình dân dụng do việc tăng hệ số sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch, khoản thu từ việc khai thác giá trị tăng thêm từ đất.

b) Khoản thu từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương.

c) Phí cải thiện hạ tầng.

d) Phí kết nối giao thông công cộng.

(2). Quy định cụ thể đối tượng, nguyên tắc xác định đối với từng khoản thu từ việc khai thác giá trị tăng thêm trong khu vực TOD.

(3). Quy định việc UBND Thành phố tiếp tục nghiên cứu, trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết để quy định cụ thể về: Hệ số lợi thế TOD; Tỷ lệ phần trăm (%) thu từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương trong khu vực TOD; Tỷ lệ phần trăm (%) phí cải thiện hạ tầng; Tỷ lệ phần trăm (%) phí kết nối giao thông công cộng; Chính sách miễn, giảm của các khoản thu và phí từ việc khai thác giá trị tăng thêm trong khu vực TOD theo quy định Luật Thủ đô và các văn bản pháp luật chuyên ngành, sau khi quy

hoạch khu vực TOD được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Ban hành quy trình, trình tự, thủ tục thu, nộp quản lý và sử dụng các khoản thu, phí từ việc khai thác giá trị tăng thêm trong khu vực TOD theo thẩm quyền.

5. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành

Nghị quyết số 67/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố có những điểm mới, đặc thù, vượt trội sau:

- Danh mục các khoản thu từ việc khai thác giá trị tăng thêm trong khu vực TOD là nội dung mới chưa được quy định cụ thể tại các pháp luật hiện hành.

- Tại Dự thảo Nghị quyết quy định các đối tượng, nguyên tắc xác định các khoản thu từ việc khai thác giá trị tăng thêm trong khu vực TOD.

Đồng thời, Nghị quyết cũng quy định: “Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, trường hợp phát sinh vướng mắc hoặc cần bổ sung các khoản thu khác để phát triển hệ thống đường sắt đô thị và bảo đảm kết nối đồng bộ hạ tầng giao thông trong khu vực TOD, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết nghị” để đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 12 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16.

XIII. NGHỊ QUYẾT SỐ 30/2025/NQ-HĐND NGÀY 29/9/2025 CỦA HĐND THÀNH PHỐ.

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của HĐND Thành phố phê duyệt Đề án thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội; quy định cơ chế hoạt động của Quỹ đầu tư mạo hiểm, trách nhiệm kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện (thực hiện Điều 36 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15)

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

2.1. Căn cứ pháp lý

- Tại Điều 36 Luật Thủ đô quy định:

“Điều 36. Đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Thành phố Hà Nội được thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư vốn vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ.

Quỹ đầu tư mạo hiểm được bố trí vốn điều lệ từ ngân sách Thành phố, được nhận tài trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn của Quỹ đầu tư mạo hiểm được thực hiện

theo nguyên tắc thị trường, chấp nhận khả năng rủi ro, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí vốn.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng đề án thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm trình Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt, trong đó xác định rõ hình thức tổ chức hoạt động của Quỹ; thời gian hoạt động của Quỹ; mức hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách Thành phố; phương thức đầu tư, đối tượng hợp tác, nhận vốn đầu tư; cơ chế đánh giá, kiểm soát rủi ro, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, vận hành Quỹ đầu tư mạo hiểm của Thành phố.

3. Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt đề án, quy định cơ chế tổ chức hoạt động của Quỹ đầu tư mạo hiểm, trách nhiệm kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Quỹ, ban hành điều lệ, quy chế đầu tư của Quỹ đầu tư mạo hiểm.”

2.2. Cơ sở thực tiễn

- Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2045, xác định Hà Nội là trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng đầu cả nước “*Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước và khu vực với hạt nhân là Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các viện nghiên cứu, trường đại học.*”

- Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, tại mục 2, phần III Nhiệm vụ, giải pháp:

“2. *Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.*

...

- *Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo. Có cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước; có chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường*

hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan. Hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.”

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý, các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 28/6/2024;

- Cụ thể hóa Điều 36 Luật Thủ đô về đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách của Thành phố, góp phần xây dựng một công cụ tài chính hiệu quả, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược và chuyển đổi số giúp doanh nghiệp vượt qua giai đoạn đầu khó khăn, thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo phát triển mạnh mẽ, góp phần hiện thực hóa Chiến lược phát triển kinh tế tri thức và đổi mới sáng tạo của Thủ đô.

- Huy động nguồn lực đa dạng từ ngân sách nhà nước, các nhà đầu tư tư nhân, các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế.

- Đầu tư vào các doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số có khả năng giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương.

- Tăng số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ thông qua các hoạt động đầu tư vốn, hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn quản trị và kết nối thị trường.

- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới có khả năng cạnh tranh quốc tế và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế địa phương.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

4.1. Bố cục của Nghị quyết: Gồm 4 Điều, Đề án và Quy định về cơ chế tổ chức hoạt động của Quỹ Đầu tư mạo hiểm, trách nhiệm kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện kèm theo.

4.2. Nội dung của Nghị quyết:

4.2.1. Tên gọi: Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội (Hanoi Venture Capital Fund - HVCF).

4.2.2. Địa vị pháp lý

Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội (viết tắt là Quỹ đầu tư mạo hiểm Thành phố) là quỹ do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập và hoạt động theo mô hình hợp tác công tư dựa trên hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh (BCC), không có tư cách pháp nhân. Quỹ được cấp vốn điều lệ từ ngân sách địa phương, được nhận tài trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật nhằm mục tiêu đầu tư vốn vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp

khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc thị trường, chấp nhận khả năng rủi ro, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí vốn.

4.2.3. Thời gian thí điểm

Thời gian dự kiến thí điểm thành lập Quỹ là 10 năm kể từ ngày cấp thẩm quyền phê duyệt; sau 05 năm đầu đánh giá sơ kết quả thực hiện đề án, 10 năm đánh giá tổng kết thí điểm thành lập Quỹ trình HĐND Thành phố quyết định tiếp tục hay chấm dứt hoạt động của Quỹ.

4.2.4. Cơ cấu tổ chức

- **Đại hội nhà đầu tư:** Quỹ Đầu tư mạo hiểm Thành phố do ngân sách thành phố và tối đa 06 nhà đầu tư tư nhân góp vốn thành lập trên Hợp đồng góp vốn. Đại hội nhà đầu tư gồm tất cả các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ đầu tư mạo hiểm Thành phố, thực hiện quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ, tương ứng với tỷ lệ vốn góp của từng nhà đầu tư.

- **Hội đồng Quản lý Quỹ:** Được bầu bởi Đại hội nhà đầu tư, gồm Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng (Thành viên UBND Thành phố là đại diện phần vốn góp của nhà nước, đại diện của nhóm nhà đầu tư và các chuyên gia có kinh nghiệm trong các lĩnh vực). Số lượng thành viên tối đa 09 người.

- **Công ty quản lý Quỹ:** Được Quỹ đầu tư mạo hiểm Thành phố thuê để thực hiện việc quản lý vốn và hoạt động đầu tư theo hợp đồng quản lý quỹ ký kết với Hội đồng quản lý Quỹ.

4.2.5. Nguồn vốn

Quỹ Đầu tư mạo hiểm Thành phố được bố trí vốn điều lệ từ ngân sách Thành phố, vốn góp từ các nhà đầu tư, được nhận tài trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Phần vốn góp từ ngân sách của Thành phố không quá 600 tỷ và không vượt quá 49% vốn điều lệ của Quỹ. Phần vốn góp còn lại từ các nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện theo Điều lệ quỹ và được thực hiện thông qua Hợp đồng góp vốn.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

5.1. Căn cứ áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 36, Luật Thủ đô số 39/2024/QH15, theo đó “1. Thành phố Hà Nội được thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư vốn vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực trọng điểm về khoa

học và công nghệ của Thủ đô nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ”;

Ngày 29/9/2025, HĐND thành phố Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND phê duyệt Đề án thí điểm thành lập Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội; quy định cơ chế tổ chức hoạt động của Quỹ Đầu tư mạo hiểm, trách nhiệm kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện, theo đó Quỹ được thành lập và hoạt động theo mô hình hợp tác công tư dựa trên hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh (BCC), không có tư cách pháp nhân; phần vốn góp của ngân sách thành phố Hà Nội không quá 600 tỷ đồng và không vượt quá 49% vốn điều lệ của Quỹ. Thời gian hoạt động thí điểm là tối đa 10 năm kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập.

Ngày 14/10/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 264/2025/NĐ-CP quy định về Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và Quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương, theo đó tại khoản 2 Điều 6 quy định “2. *Quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương được thành lập và hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp*”. Như vậy, mô hình Quỹ đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội đã được HĐND Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 khác với mô hình Quỹ Đầu tư mạo hiểm địa phương được quy định tại Nghị định 264/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính Phủ.

5.2. Điểm mới về mô hình:

Phương án Quỹ Đầu tư mạo hiểm cấp thành phố Hà Nội theo mô hình hợp tác công tư dựa trên hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh (BCC)

- Mô hình phù hợp với giai đoạn thí điểm thành lập Quỹ; nhà nước chỉ đóng vai trò vốn môi/đồng đầu tư, giảm áp lực quản lý trực tiếp, tăng tính linh hoạt cho nhà quản lý quỹ.

- Trong giai đoạn đầu, Thành phố Hà Nội chưa có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động đầu tư mạo hiểm. Việc thành lập Quỹ theo hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh sẽ tranh thủ kinh nghiệm đầu tư của các nhà đầu tư tham gia và sự vận hành chuyên nghiệp của Công ty quản lý Quỹ.

- Không hình thành tổ chức mới và tăng biên chế, đặc biệt phù hợp với mô hình thí điểm thành lập Quỹ Đầu tư mạo hiểm.

- Mô hình quỹ đầu tư mạo hiểm công lập có thể giúp chia sẻ rủi ro với đối với nguồn vốn nhà nước, vẫn đảm bảo thúc đẩy dòng vốn vào các lĩnh vực công nghệ cao, nhiều rủi ro nhưng có tiềm năng tăng trưởng;

- Việc xác định nguồn vốn của Thành phố Hà Nội vẫn đảm bảo định hướng của Thành phố Hà Nội trong chiến lược phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của Hà Nội.

Như vậy, Quỹ theo mô hình doanh nghiệp có ưu điểm là kiểm soát vốn nhà nước chặt chẽ, pháp nhân rõ ràng; nhược điểm là thiếu linh hoạt, thủ tục nặng. Quỹ

theo mô hình hợp tác công tư (BBC) có ưu điểm là linh hoạt, thu hút được vốn tư nhân, phù hợp đặc thù vốn mạo hiểm; nhược điểm là rủi ro giám sát và pháp lý.

Căn cứ Điều 36, Luật Thủ đô “*Việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn của Quỹ đầu tư mạo hiểm được thực hiện theo nguyên tắc thị trường, chấp nhận khả năng rủi ro, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí vốn*”, UBND Thành phố Hà Nội lựa chọn mô hình hợp tác công tư dựa trên hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh (BCC) nhằm tranh thủ kinh nghiệm về đầu tư mạo hiểm của các đơn vị tham gia và công ty quản lý quỹ, bên cạnh đó phù hợp với Đề án thí điểm thành lập Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội.

XIV. QUYẾT ĐỊNH SỐ 74/2026/QĐ-UBND NGÀY 20/6/2026 CỦA UBND THÀNH PHỐ.

1. Tên Quyết định: Quyết định số 74/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026 của UBND Thành phố quy định một số phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Quyết định:

2.1. Căn cứ pháp lý

- Tại Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước, trong đó có nội dung:

“...Khuyến khích mở rộng việc áp dụng các hình thức đầu tư theo phương thức công - tư như “đầu tư công - quản trị tư”, “đầu tư tư - sử dụng công” và các hình thức hợp tác công tư khác để xây dựng và quản lý, vận hành hiệu quả nhất các công trình kết cấu hạ tầng.

Khẩn trương bổ sung khung pháp lý về quản lý, khai thác, sử dụng đối với các loại tài sản kết cấu hạ tầng văn hoá, thể thao, du lịch, hạ tầng các khu công nghiệp, công nghệ cao, khu chế xuất, khu kinh tế, khu thương mại tự do, khu trung tâm tài chính quốc tế,... do Nhà nước đầu tư để huy động nguồn lực ngoài ngân sách cùng tham gia trên cơ sở bảo đảm tính hiệu quả, công khai, minh bạch, chống thất thoát, lãng phí”

- Mục 7 Phần III Nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu Nghị quyết số 02-NQ/TW nêu “*Hà Nội quyết định cơ chế, chính sách ... các hình thức huy động nguồn lực xã hội, hợp tác công tư, tài nguyên, tài sản công... để khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực*”.

- Ngày 23/4/2026, Quốc hội Khóa XVI đã thông qua Luật Thủ đô (Luật Thủ đô số 02/2026/QH16); Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026; trong đó khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 quy định:

“Điều 23. Quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công, tài sản kết cấu hạ tầng

1. Trong phạm vi quản lý của Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố quy định:

...c) Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cho thuê quyền khai thác hoặc phương thức khác trong quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, công trình, tài sản công khác do Nhà nước đầu tư, quản lý hoặc công trình, tài sản quy định tại điểm b khoản này.”

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định: *“2. Văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết hoặc thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết”.*

- Khoản 1 Điều 35 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 quy định: *“1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này ”.*

Như vậy, cần sớm ban hành Quyết định của UBND Thành phố quy định một số phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội để cụ thể hóa quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 nhằm bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ và hiệu lực thi hành của Luật và yêu cầu tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15.

- Bên cạnh đó việc triển khai quy định tại Điều 23 Luật Thủ đô phù hợp và bám sát nhiều chủ trương lớn đã được xác lập trong các nghị quyết của Đảng. Trong đó, nổi bật là Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế Nhà nước với định hướng tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước theo hướng “đầu tư công - quản trị tư” và “đầu tư tư - sử dụng công”, qua đó phát huy vai trò dẫn dắt của khu vực công đồng thời tận dụng nguồn lực, kinh nghiệm quản trị của khu vực tư nhân trong quản lý, sử dụng, vận hành và khai thác tài sản. Đồng thời, chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương cũng là một trục xuyên suốt trong cải cách thể chế hiện nay. Yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công (trong đó có tài sản kết cấu hạ tầng) cũng đặt ra yêu cầu phải có các cơ chế linh hoạt hơn, tránh tình trạng “đóng băng” nguồn lực tài sản chưa được khai thác hiệu quả. Quyết định của UBND Thành phố triển khai điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 chính là sự cụ thể hóa đồng bộ các định hướng này trong điều kiện đặc thù của Thủ đô.

2.2. Cơ sở thực tiễn:

2.1. Theo kết quả tổng kiểm kê thời điểm 0h00 ngày 01/01/2026 của thành phố Hà Nội, thành phố Hà Nội đang quản lý một khối lượng tài sản kết cấu hạ tầng lớn với 6.598 tuyến đường (quốc lộ, đô thị, tỉnh lộ, xã...), 653 cầu, 116 hầm đường bộ, 02 tuyến đường sắt đô thị, 34 đập, 11 hồ chứa nước, 224 trạm bơm thủy lợi, 644 tuyến dẫn, chuyển nước, 298 hạ tầng chợ, 01 khu công nghệ cao, 01 khu công nghệ thông tin tập trung, 416 km đê, 9.294 thiết chế văn hóa - thể thao cấp xã (sắp tới sẽ tiếp nhận bổ sung hạ tầng Làng Văn hóa các dân tộc Việt Nam).

Thực tế triển khai việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội trong thời gian qua của Thành phố gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Trước khi Nghị định số 178/2026/NĐ-CP ngày 20/5/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý được ban hành (có hiệu lực từ ngày 06/7/2026), một số loại tài sản kết cấu hạ tầng chưa được quy định cụ thể tại các Nghị định của Chính phủ (hạ tầng đô thị, hạ tầng văn hóa thể thao, hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, hạ tầng thương mại, thông tin và truyền thông...), các loại tài sản kết cấu hạ tầng đã được quy định tại các Nghị định của Chính phủ thì quy trình khai thác tài sản còn nhiều thủ tục, việc lựa chọn đơn vị thực hiện khai thác còn nhiều khó khăn.

2.2. Thực hiện điểm a, điểm b Điều 41 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15; HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 quy định việc nhượng quyền khai thác, quản lý công trình kiến trúc có giá trị và công trình, hạng mục công trình hạ tầng văn hóa, thể thao thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cũng cho thấy nhu cầu cấp thiết phải có một khuôn khổ pháp lý mang tính “khung - mở - linh hoạt” hơn, cho phép chính quyền Thành phố chủ động điều chỉnh chính sách phù hợp với biến động của thị trường và yêu cầu phát triển.

2.3. Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026 (thay thế Luật Thủ đô số 39/2024/QH15), trong đó điểm c khoản 1 Điều 23 có quy định về một số phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội trước đây do HĐND Thành phố quy định và được cụ thể hóa tại Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND (đối với phương thức nhượng quyền khai thác) nay được điều chỉnh là UBND Thành phố quy định và mở rộng phạm vi áp dụng cho toàn bộ các tài sản kết cấu hạ tầng.

Thay vì quy định chi tiết từng nội dung như trước, điểm c khoản 1 Điều 23 tập trung giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trong việc ban hành các cơ chế, chính sách khung liên quan đến phương thức khai thác trong quản lý, sử dụng, khai thác, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng. Cách tiếp cận này thể hiện rõ tinh thần phân quyền, trao quyền chủ động cho chính quyền Thành phố trong việc

lựa chọn một trong một số phương thức chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cho thuê quyền khai thác trong quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

2.4. Để đảm bảo việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý, nâng cao hiệu quả, tránh lãng phí, việc ban hành Quyết định của UBND Thành phố quy định một số phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, thẩm quyền của UBND Thành phố quy định tại Luật Thủ đô và nhu cầu thực tiễn của Thành phố.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Quyết định:

3.1. Thể chế hóa đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các cơ chế, chính sách đặc thù của Luật Thủ đô, tạo cơ sở pháp lý để Thành phố Hà Nội chủ động quyết định việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý theo hướng hiệu quả, công khai, minh bạch và phù hợp với yêu cầu phát triển của Thủ đô.

3.2. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quyết định trong công tác quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, đồng thời tạo hành lang pháp lý đầy đủ, chặt chẽ để các cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức thực hiện đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật.

3.3. Tạo nguồn thu từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, giảm chi từ ngân sách Thành phố cho công tác duy tu, duy trì, bảo vệ, bảo tồn tài sản kết cấu hạ tầng của Thành phố, đồng thời đảm bảo quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng, khuyến khích việc thực hiện huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội các mục đích công cộng khác cho cư dân trên địa bàn Thành phố.

3.4. Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Luật Thủ đô, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và đồng bộ trong hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3.5. Bảo đảm khai thác hiệu quả, tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí tài sản công, hài hòa giữa mục tiêu huy động nguồn lực xã hội với yêu cầu bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và lợi ích của cộng đồng. Bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh và bình đẳng trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, đặc biệt đối với việc xác định giá khởi điểm, lựa chọn tổ chức khai thác, quản lý hợp đồng và quản lý, sử dụng nguồn thu từ khai

thác tài sản.

4. Nội dung cơ bản của Quyết định

Quyết định gồm 4 Chương và 24 Điều về các quy định chung, quy định cụ thể và điều khoản thi hành, cụ thể:

- Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ và nguyên tắc chung.

- Giải thích từ ngữ (Điều 3).

- Nguyên tắc, yêu cầu khi thực hiện một số phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (Điều 4).

- Chương II. Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng và cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, gồm 02 Điều quy định phương thức chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng (Điều 5) và cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (Điều 6).

- Chương III. Nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng quy định.

- + Việc áp dụng phương thức nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (Điều 7).

- + Việc áp dụng phương thức nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (Điều 8).

- + Phê duyệt Đề án nhượng quyền khai thác (Điều 9).

- + Giá nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (Điều 12).

- + Đấu giá nhượng quyền khai thác (Điều 13).

- + Hợp đồng nhượng quyền khai thác tài sản (Điều 14), Xử lý trong một số trường hợp đặc biệt (Điều 15).

- + Cơ chế tài chính, doanh thu, chi phí và xử lý số tiền thu được khi thực hiện nhượng quyền khai thác (Điều 16, 17, 18, 19).

- Chương IV. Tổ chức thực hiện.

- + Quyền và trách nhiệm của Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền (Điều 20).

- + Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản (Điều 21).

- + Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị khác có liên quan (Điều 22).

- + Điều khoản chuyển tiếp (Điều 23)

- + Điều khoản thi hành (Điều 24).

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành:

5.1. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng; Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; Nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

- Tại các Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng: thẩm quyền phê duyệt Đề án là UBND Thành phố/Chủ tịch UBND Thành phố.

- Tại dự thảo Quyết định quy định thẩm quyền phê duyệt Đề án là:

- + Người đứng đầu đơn vị dự toán cấp I trực thuộc Thành phố phê duyệt Đề án đối với tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc quản lý.

- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án đối với tài sản kết cấu hạ tầng thuộc cấp xã quản lý và chỉ nằm trên địa bàn 01 xã.

- + Người đứng đầu Sở quản lý chuyên ngành phê duyệt Đề án đối với tài sản kết cấu hạ tầng trong các trường hợp không thuộc 02 trường hợp nêu trên (ví dụ tài sản kết cấu hạ tầng cấp xã nhưng nằm trên địa bàn từ 02 xã trở lên).

5.2. Việc quy định thẩm quyền nêu trên nhằm đảm bảo phù hợp với tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp, chủ trương đẩy mạnh phân cấp cho chính quyền cơ sở trong quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý, giảm thủ tục hành chính trong quá trình trình, phê duyệt Đề án khai thác.

XV. QUYẾT ĐỊNH SỐ 75/2026/QĐ-UBND NGÀY 20/6/2026 CỦA UBND THÀNH PHỐ.

1. Tên Quyết định: Quyết định số 75/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026 của UBND Thành phố quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Quyết định:

2.1. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước, Mục 1 Phần III Nhiệm vụ, giải pháp, Bộ Chính trị yêu cầu: “*Tạo lập môi trường thuận lợi, công bằng, minh bạch cho các khu vực kinh tế trong khai thác và sử dụng nguồn lực quốc gia, khuyến khích hợp tác đầu tư công quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công*”

- Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới, tại mục 7 phần III về nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu, Bộ Chính trị xác định Hà Nội được quyết định cơ chế, chính sách về đất đai, đầu tư công, đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư, các hình thức huy động nguồn lực xã hội, hợp tác công tư, tài nguyên, tài sản công để khai

thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực phục vụ phát triển Thủ đô.

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 quy định:

“Điều 23. Quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công, tài sản kết cấu hạ tầng

1. Trong phạm vi quản lý của Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố quy định:

a) Quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết hoặc phương thức khác”.

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

- Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025;

2.2. Cơ sở thực tiễn:

2.1. Theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, chỉ có đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết khi chưa sử dụng hết công suất. Thực hiện điểm a, điểm b Điều 41 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15; HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 quy định việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, cơ bản đã tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc có liên quan. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cũng cho thấy nhu cầu cấp thiết phải có một khuôn khổ pháp lý mang tính “khung - mở - linh hoạt” hơn, cho phép chính quyền Thành phố chủ động điều chỉnh chính sách phù hợp với biến động của thị trường và yêu cầu phát triển.

2.2. Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026 (thay thế Luật Thủ đô số 39/2024/QH15), trong đó tại khoản 1 Điều 23 quy định các nội dung liên quan việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết trước đây do HĐND Thành phố quy định và được cụ thể hóa tại Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND nay được điều chỉnh là UBND Thành phố quy định.

Thay vì quy định chi tiết từng nội dung như trước, khoản 1 Điều 23 tập trung giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trong việc ban hành các

cơ chế, chính sách khung liên quan đến quản lý, sử dụng, khai thác, vận hành tài sản công. Cách tiếp cận này thể hiện rõ tinh thần phân quyền, trao quyền chủ động cho chính quyền đô thị trong việc lựa chọn phương thức khai thác, quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó có nội dung kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết (đối với tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập).

2.3. Để đảm bảo việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao hiệu quả, tránh lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, việc ban hành Quyết định của UBND Thành phố quy định quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, thẩm quyền của UBND Thành phố quy định tại Luật Thủ đô và nhu cầu thực tiễn của Thành phố.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Quyết định:

- Thực hiện theo đúng quy định Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quyết định trong công tác quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công, đồng thời tạo hành lang pháp lý đầy đủ, chặt chẽ để các cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức thực hiện đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật về tài sản công và quy định khác có liên quan.

- Giảm chi từ ngân sách Thành phố cho công tác duy tu, duy trì, bảo vệ, bảo tồn tài sản công của Thành phố, đồng thời đảm bảo quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản công.

4. Nội dung cơ bản của Quyết định

Quyết định gồm 22 Điều về các quy định chung; trình tự, thủ tục lập, lấy ý kiến, quyết định Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; cơ chế tài chính khi sử dụng tài sản công để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết và tổ chức thực hiện, cụ thể:

- Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ và nguyên tắc, yêu cầu sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

- Trình tự, thủ tục lập, lấy ý kiến đối với Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

- Thẩm quyền quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

- Nội dung chủ yếu của Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

- Tổ chức thực hiện Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết sau khi đề án được phê duyệt.

- Doanh thu, chi phí, nghĩa vụ tài chính với Nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập khi sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

- Trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập, trách nhiệm tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân là đối tác của đơn vị sự nghiệp công lập; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết.

- Cơ chế kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình về thực hiện sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

- Xử lý chuyển tiếp đối với trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành:

5.1. Thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết:

- Tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ, thẩm quyền phê duyệt Đề án là Chủ tịch UBND Thành phố.

- Tại Quyết định số 75/2026/QĐ-UBND của UBND Thành phố quy định thẩm quyền phê duyệt Đề án là Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

5.2. Quyết định cũng quy định cơ chế “hậu kiểm” để kiểm tra sự phù hợp của Đề án được phê duyệt (nội dung này trong Nghị định số 186/2025/NĐ-CP không quy định). Cụ thể: *“Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Đề án được phê duyệt, đơn vị sự nghiệp công lập phải gửi Quyết định và Đề án được phê duyệt cho cơ quan có liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều này để kiểm tra. Cơ quan có liên quan quy định tại khoản 4 Điều này có trách nhiệm kiểm tra nội dung Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập ngay khi nhận được Quyết định phê duyệt Đề án. Trường hợp phát hiện Đề án có nội dung không đúng chính sách, chế độ, quy định pháp luật, cơ quan có trách nhiệm yêu cầu đơn vị sự nghiệp công lập điều chỉnh lại Đề án trong thời gian chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định*

phê duyệt Đề án của đơn vị sự nghiệp công lập; chịu trách nhiệm trước Thành phố, trước pháp luật về việc chậm hoặc không có văn bản yêu cầu đơn vị sự nghiệp công lập điều chỉnh lại Đề án trong trường hợp nêu trên”.

XVI. QUYẾT ĐỊNH SỐ 76/2026/QĐ-UBND NGÀY 20/6/2026 CỦA UBND THÀNH PHỐ.

1. Tên Quyết định: Quyết định số 76/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định việc thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản được đầu tư, xây dựng, tạo lập từ các hoạt động đầu tư kinh doanh hoặc từ nguồn không thuộc ngân sách nhà nước để quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác hoặc hình thành tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Quyết định:

2.1. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước, trong đó có nội dung:

“...Khuyến khích mở rộng việc áp dụng các hình thức đầu tư theo phương thức công - tư như “đầu tư công - quản trị tư”, “đầu tư tư - sử dụng công” ...”

- Ngày 23/4/2026, Quốc hội Khóa XVI đã thông qua Luật Thủ đô (Luật Thủ đô số 02/2026/QH16); Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026; trong đó khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 quy định:

“Điều 23. Quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công, tài sản kết cấu hạ tầng

1. Trong phạm vi quản lý của Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố quy định:

b) Thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản được đầu tư, xây dựng, tạo lập từ các hoạt động đầu tư kinh doanh hoặc từ nguồn không thuộc ngân sách nhà nước để quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác hoặc hình thành tài sản công, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác.”

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định: *“2. Văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết hoặc thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết”.*

- Khoản 1 Điều 35 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 quy định: “1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này ”.

Như vậy, việc ban hành Quyết định của UBND Thành phố quy định việc thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản được đầu tư, xây dựng, tạo lập từ các hoạt động đầu tư kinh doanh hoặc từ nguồn không thuộc ngân sách nhà nước để quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác hoặc hình thành tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác để cụ thể hóa quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 nhằm bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ và hiệu lực thi hành của Luật và yêu cầu tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15.

- Bên cạnh đó việc triển khai quy định tại Điều 23 Luật Thủ đô phù hợp và bám sát nhiều chủ trương lớn đã được xác lập trong các nghị quyết của Đảng. Trong đó, nổi bật là Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế Nhà nước với định hướng tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước theo hướng “đầu tư tư - sử dụng công”, qua đó phát huy vai trò dẫn dắt của khu vực công đồng thời tận dụng nguồn lực, kinh nghiệm quản trị của khu vực tư nhân trong quản lý, sử dụng, vận hành và khai thác tài sản. Đồng thời, để đảm bảo nguồn lực, tài sản sẵn có để phục vụ nhiệm vụ an ninh, chính trị trên địa bàn Thành phố, việc quy định thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản được đầu tư, xây dựng, tạo lập từ các hoạt động đầu tư kinh doanh hoặc từ nguồn không thuộc ngân sách nhà nước để quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác giúp Thành phố chủ động trong tình huống cấp bách. Quyết định của UBND Thành phố triển khai điểm b khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 chính là sự cụ thể hóa đồng bộ các định hướng này trong điều kiện đặc thù của Thủ đô

2.2. Cơ sở thực tiễn:

Trong quá trình phát triển của Thủ đô, để đáp ứng yêu cầu huy động nguồn lực xã hội cho phát triển hạ tầng và dịch vụ công trong bối cảnh nhu cầu đầu tư kết cấu hạ tầng, công trình công ích, phúc lợi xã hội của Thành phố ngày càng lớn trong khi nguồn lực ngân sách nhà nước còn hạn chế, việc cho phép cơ quan, đơn vị được thuê, thuê mua hoặc mua công trình, tài sản hình thành từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước sẽ góp phần: Khai thác hiệu quả nguồn lực từ khu vực tư nhân; Giảm áp lực đầu tư công trực tiếp từ ngân sách nhà nước; Đẩy nhanh tiến độ đáp ứng nhu cầu về hạ tầng, dịch vụ công thiết yếu; Tận dụng các công trình, tài sản đã được đầu tư sẵn có trong xã hội để phục vụ lợi ích công cộng.

Việc thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản được đầu tư, xây dựng, tạo lập từ các hoạt động đầu tư kinh doanh hoặc từ nguồn không thuộc ngân sách nhà nước

để quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác sẽ tăng tính chủ động, linh hoạt trong quản lý và sử dụng tài sản công. Thực tiễn hiện nay cho thấy nhiều lĩnh vực cần được đáp ứng nhanh về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và công trình phục vụ công cộng. Việc ban hành cơ chế thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản từ nguồn ngoài ngân sách giúp các cơ quan, đơn vị có thêm công cụ linh hoạt để chủ động đáp ứng nhu cầu thực tiễn, rút ngắn thời gian đưa công trình vào khai thác, sử dụng và nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành và cung ứng dịch vụ công.

Việc thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản được đầu tư, xây dựng, tạo lập từ các hoạt động đầu tư kinh doanh hoặc từ nguồn không thuộc ngân sách nhà nước để quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác là phù hợp với xu hướng đổi mới phương thức hình thành và quản trị tài sản công. Việc chuyển từ tư duy “Nhà nước phải trực tiếp đầu tư, sở hữu toàn bộ” sang “Nhà nước sử dụng linh hoạt các nguồn lực xã hội để phục vụ lợi ích công” là xu hướng quản trị hiện đại, phù hợp với chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và thúc đẩy hợp tác công - tư trong cung cấp dịch vụ công.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Quyết định:

- Thực hiện theo đúng quy định Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Tạo cơ sở pháp lý thống nhất để các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hà Nội thực hiện việc thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, bảo đảm phúc lợi xã hội, đáp ứng các mục đích công cộng khác.

- Huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội, nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia cung cấp hạ tầng và dịch vụ công, góp phần giảm áp lực đầu tư công trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

- Tăng tính chủ động, linh hoạt cho các cơ quan, đơn vị trong việc đáp ứng nhu cầu thực tiễn về cơ sở vật chất, công trình, tài sản phục vụ quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công.

4. Nội dung cơ bản của Quyết định:

Quyết định gồm 10 Điều về các quy định chung, quy định cụ thể và điều khoản thi hành, cụ thể:

- Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ và nguyên tắc chung.

- Danh mục công trình, tài sản được thuê, thuê mua, mua theo quy định gồm:

- + Công trình kết cấu hạ tầng theo quy định pháp luật chuyên ngành về hạ tầng (bao gồm tài sản khác gắn với công trình).

+ Công trình y tế, công trình giáo dục, đào tạo (bao gồm tài sản khác gắn với công trình).

+ Các công trình, tài sản khác phục vụ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trên cơ sở đề xuất của cơ quan chuyên môn cùng cấp.

- Quyết định điều kiện để công trình, tài sản được thuê, thuê mua, mua theo quy định.

- Trình tự, thủ tục thuê, thuê mua, mua:

+ Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương, quyết định dự án thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản được sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

+ Đối với các trường hợp còn lại, cơ quan, đơn vị có nhu cầu lập hồ sơ đề nghị chấp thuận (hoặc điều chỉnh) chủ trương thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) trình người có thẩm quyền phê duyệt.

- Người có thẩm quyền phê duyệt chủ trương thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản được xác định là:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đối với công trình, tài sản do cơ quan, đơn vị có nhu cầu thuộc cấp Thành phố đề xuất.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với công trình, tài sản do cơ quan, đơn vị có nhu cầu thuộc cấp xã đề xuất.

+ Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập (tự đảm bảo chi thường xuyên; tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định đối với công trình, tài sản được thuê, thuê mua, mua sắm từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

- Trên cơ sở quyết định chủ trương được phê duyệt, cơ quan, đơn vị thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản theo quy định của Chính phủ về lập, phân bổ dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, thuê tài sản, hàng hóa, dịch vụ.

- Căn cứ quyết định chủ trương thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản đã được phê duyệt, phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuê, thuê mua, mua ban hành quyết định thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trong đó:

+ Giá thuê, giá thuê mua, giá mua công trình, tài sản được xác định trên cơ sở giá thuê, giá thuê mua, giá mua trên thị trường của công trình, tài sản cùng loại hoặc tài sản tương đương (tài sản có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, công năng sử dụng tại thời điểm xác định).

+ Cơ quan, đơn vị thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá thuê, giá thuê mua, giá mua hoặc thành lập Hội đồng thẩm định giá. Việc sử dụng Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu:

Cơ quan, đơn vị thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản tổ chức triển khai thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản theo trình tự, thủ tục quy định tại pháp luật về đấu thầu. Việc thương thảo và ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân có công trình, tài sản được thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu, pháp luật về dân sự và pháp luật có liên quan.

Giá ký kết hợp đồng không được vượt quá giá thuê, giá thuê mua, giá mua đã được phê duyệt tại quyết định thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản. Trường hợp trong quá trình thương thảo các bên không thống nhất được về giá hoặc không đạt được thỏa thuận về các nội dung cơ bản của hợp đồng thì cơ quan, đơn vị báo cáo người có thẩm quyền tại khoản 3 Điều này xem xét, quyết định dừng thực hiện chủ trương thuê, thuê mua, mua theo quy định tại Quyết định.

- Việc quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình, tài sản trong thời gian thuê, thuê mua và sau khi mua:

+ Quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình, tài sản trong thời gian thuê, thuê mua: Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm sử dụng công trình, tài sản đúng mục đích, công năng, tiết kiệm và có hiệu quả, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa công trình, tài sản trong thời gian thuê, thuê mua. Không áp dụng các phương thức cho thuê, liên doanh, liên kết, chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cho thuê quyền khai thác hoặc các phương thức khai thác khác không do cơ quan, đơn vị tự thực hiện đối với công trình, tài sản trong thời gian được thuê, thuê mua. Việc xử lý công trình, tài sản khi kết thúc thời gian thuê, thuê mua được thực hiện theo hợp đồng đã ký kết, pháp luật dân sự và pháp luật liên quan. Trường hợp sau khi kết thúc thời gian thuê mua, công trình, tài sản thuộc quyền sở hữu của cơ quan, đơn vị thì thực hiện quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tương tự sau khi mua.

+ Quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình, tài sản sau khi mua: Việc quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình, tài sản sau khi mua được thực

hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành:

Việc thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản được đầu tư, xây dựng, tạo lập từ các hoạt động đầu tư kinh doanh hoặc từ nguồn không thuộc ngân sách nhà nước để quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác hoặc hình thành tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội phục vụ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội tại Quyết định sẽ được áp dụng theo hình thức chỉ định thầu.

Khác với hoạt động mua sắm hàng hóa, dịch vụ thông thường có nhiều nhà cung cấp và có thể chuẩn hóa về yêu cầu kỹ thuật để tổ chức đấu thầu rộng rãi, đối tượng điều chỉnh của Quyết định là các công trình, tài sản hiện có đã được đầu tư, xây dựng, tạo lập từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước. Các công trình, tài sản này gắn với vị trí địa lý, hiện trạng kỹ thuật, quy mô, công năng, điều kiện kết nối hạ tầng và các yếu tố pháp lý riêng biệt; trên thực tế thường chỉ có một chủ sở hữu. Do đó, việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu mang tính rộng rãi khó bảo đảm tính khả thi, làm kéo dài thời gian thực hiện thủ tục hành chính nhưng chưa đảm bảo làm gia tăng hiệu quả lựa chọn.

Bên cạnh đó, mục tiêu của cơ chế này là tạo điều kiện để Thành phố chủ động, kịp thời huy động nguồn lực xã hội nhằm đáp ứng các nhu cầu cấp bách về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ sở y tế, giáo dục, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội và các mục đích công cộng khác trong trường hợp việc đầu tư xây dựng mới không bảo đảm tiến độ hoặc không mang lại hiệu quả tương đương. Việc cho phép áp dụng chỉ định thầu góp phần rút ngắn thời gian chuẩn bị đầu tư, sớm đưa công trình, tài sản vào phục vụ người dân và xã hội

Để bảo đảm chặt chẽ, minh bạch và phòng ngừa thất thoát, lãng phí, Quyết định đã thiết lập nhiều cơ chế kiểm soát trước, trong và sau quá trình lựa chọn nhà thầu. Cụ thể:

- Thứ nhất, chỉ những trường hợp thực sự cần thiết mới được xem xét áp dụng. Điều 6 quy định việc thuê, thuê mua, mua phải thuộc trường hợp cần thiết, cấp bách, phục vụ nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ được giao hoặc nhu cầu cung cấp dịch vụ công thiết yếu; đồng thời phải ưu tiên rà soát, khai thác hiệu quả cơ sở nhà, đất, công trình, tài sản công hiện có trước khi đề xuất thuê, thuê mua, mua.

- Thứ hai, việc quyết định chủ trương được kiểm soát bởi cơ quan, người có thẩm quyền. Điều 7 quy định cơ quan, đơn vị có nhu cầu phải lập hồ sơ đề nghị phê duyệt chủ trương, trong đó phải làm rõ sự cần thiết, hiện trạng tài sản công

hiện có, hiệu quả kinh tế - xã hội, nguồn kinh phí và đánh giá so sánh với các phương án khác; Chủ tịch UBND Thành phố hoặc Chủ tịch UBND cấp xã là người quyết định chủ trương theo thẩm quyền.

- Thứ ba, Quyết định thiết lập cơ chế kiểm soát giá độc lập trước khi thực hiện chỉ định thầu. Khoản 7 Điều 7 quy định giá thuê, giá thuê mua, giá mua phải được xác định trên cơ sở giá thị trường; cơ quan, đơn vị phải thuê doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá. Đây là cơ chế quan trọng nhằm ngăn ngừa việc xác định giá không khách quan hoặc gây thất thoát ngân sách nhà nước.

- Thứ tư, mặc dù áp dụng chỉ định thầu nhưng quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo và ký kết hợp đồng vẫn phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan theo khoản 8 Điều 7. Đồng thời, giá ký kết hợp đồng không được vượt quá giá đã được phê duyệt; trường hợp không đạt được thỏa thuận về giá hoặc các điều khoản cơ bản của hợp đồng thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét dừng thực hiện chủ trương.

- Thứ năm, dự thảo quy định đầy đủ cơ chế công khai, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và trách nhiệm giải trình. Điều 4 quy định nguyên tắc công khai thông tin, bảo đảm giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; Điều 9 quy định trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị trong việc đề xuất, xác định giá, lựa chọn nhà thầu, quản lý, sử dụng và báo cáo kết quả thực hiện.

Như vậy, mặc dù cho phép áp dụng hình thức chỉ định thầu nhưng Quyết định đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhiều tầng từ khâu xác định nhu cầu, phê duyệt chủ trương, thẩm định giá, lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng đến quản lý, sử dụng tài sản sau khi thuê, thuê mua, mua. Cơ chế này vừa bảo đảm tính linh hoạt, đáp ứng yêu cầu huy động nguồn lực xã hội phục vụ phát triển Thủ đô, vừa bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và phòng ngừa thất thoát, lãng phí tài sản, ngân sách nhà nước.

